NĂM THỨ TƯ — Số 155 Thứ năm 17 Août 194[illegible]

TRI TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

* Bút chiến — *Hoa-Bằng*
* Ca dao mới — *Thủy-Thiên*
* Đại nam dật sự (XXXIX) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Những ông nghè triều Lê (XCII) — *Ưng-hòe*
* Khảo về văn nôm trong thế kỷ XVIII-XIX — *Nguyễn-văn-Tố*
* Trương-hán-Siêu (? — 1354) (I) — *Nhật-Nham*
* Ba người thợ cần mẫn (IV) — *Lê-Thanh*
* Tài liệu để định chính những bài văn cổ (LXIII) — *Ưng-hòe*
* Nam dân bát châu thi thảo — *Tùng-Vân*
* Hội «Alexandre de Rhodes» sẽ dựa bản «Lục-vân-Tiên» nào? — *Lư-Khê*
* An-Tư, tiểu thuyết (VIII) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

0$50

Bút-chiến

HOA-BẰNG

Theo nghĩa cũ thì *bút chiến* là sự đua ganh bằng ngòi bút trong việc thi cử. Cho nên, trong bộ *Việt-nam tự-điển* của Hội Khai-trí Tiến-đức, trang 62 có giải nghĩa rằng : « *Bút-chiến* : tranh cạnh nhau bằng ngòi bút » Rồi thí-dụ : « Cuộc bút chiến trường thi năm trước ».

Xưa kia, chỉ có thi-cử là việc thông-thường trong văn-giới, nên hễ nói đến « bút chiến » thì người ta hiểu ngay rằng đó là một cuộc xông-pha lăn-lộn trong vòng trường ốc, với ngòi bút « quét nghìn quân, » sĩ-tử ganh sức đua tài để hạ phê địch mà tranh lấy khôi, giật lấy giáp.

Nhưng, ở ta, từ khi thi Hương, thi Hội đã bãi, nghề làm báo dần dần thịnh-hành, hễ nói đến *bút chiến* thì người ta hiểu ngay theo nghĩa chữ *polémique* của Pháp là có sự « tranh luận » bằng bút mực giữa nhà văn nọ với nhà văn kia, hoặc giữa tờ báo này với tờ báo khác.

Vậy nay xin nói về *bút chiến* theo nghĩa mới.

Bút-chiến có nhiều phương diện : hoặc bút chiến về văn-học, hoặc bút chiến về tôn-giáo hoặc bút chiến về chính-kiến, v.v...

Cùng làm việc chính-trị nhưng hai người khác nhau về chính kiến thường vẫn kịch-liệt « giao-chiến » với nhau trên những tờ báo là cơ-quan chính-trị của hai bên.

Có điều đáng chú ý là ở những nước tiến-tiến, người ta đã nhận rành được phần cá-nhân và phần cộng-cộng : đảng nào riêng đảng ấy, không hề nhận lầm hiểu lộn lẫn nhau, nên cuộc bút-chiến là sự rất thường đối với họ.

Chẳng thế, hai bên tuy là chỗ cha con, anh em hay bạn hữu, nhưng nếu bất đồng ý kiến với nhau về văn-học hay về chính-trị, người ta vẫn thường gác « cá thể » ra một bên mà « tuyên chiến » bằng ngòi bút. Bởi vì người ta hiểu rằng cá nhân là cá-nhân, mà văn-học là văn-học, chính-trị là chính-trị, không bao giờ vì sự trái nghịch nhau trên giấy trắng mực đen mà giận nhau về phần cá-nhân cả.

***

Một giáo-sư ngoại-quốc có nói chuyện với tôi : Khi đương hồi thanh-niên, giáo-sĩ đã từng lăn-lộn trong « nghề » chính-trị. Có khi vì đảng-phái khác nhau, chính-kiến khác nhau, ông viết hàng liên-tục bài để bênh-vực đảng Cấp-tiến của mình mà hết sức công-kích chính-kiến của đảng Bảo-thủ là đảng của cha. Có chuyện rất thú : một hôm, người của đảng đối-gù đọc một bài báo của phái địch lý dưới một biệt hiệu, thì gọi con là ông giáo sĩ khi còn đang làm chính-trị đó — ra tỉ cho tem bài báo ấy, nào có biết rằng chính con mình lại là tác-giả bài báo đang lớn tiếng công-kích chính đảng của cha.

***

Lại như câu chuyện bút chiến ở Tàu : Hồi Trung-hoa Dân-quốc mới thành lập, trong văn-học giới Tàu có nổi lên hai phái : một phái sốt sắng cổ động cho thể văn bạch thoại, một phái kịch liệt phản đối, hết sức trung thành với lối văn ngôn. Nhưng sau, trải qua nhiều trận bút chiến, phái Văn ngôn thua phái Bạch thoại do Trần Độc Tú và Hồ Thích... chủ trương. Có điều khiến ta đáng phục là, họ vì công tâm mà bút chiến, vì văn hóa mà tranh luận, nên một khi phân-lý đã thắng, thì phái Văn ngôn không ngần ngại tuyên bố trắng trợn kiến giải và lý luận của phái mình không đứng vững được, từ đây xin hàng phục phe Bạch thoại, kể từ ngày « bại trận » nầy !

Đó, trong các cuộc bút chiến của báo giới ngoại quốc có nhiều chuyện thú là thế.

***

Còn ở ta ? Phần đông không hiểu ý nghĩa bút chiến, nên ít có những cuộc bút chiến gây được hứng thú cho độc giả. Nhất là nếu không gặp được đối thủ và những cây bút đứng đắn thì những bậc thức giả ít thích bút chiến, vì họ rằng « đàn cầm nhà ngày tai trâu ! »

Còn nhớ : hồi còn « mô-mạ » tờ *D. B.* ở Hà nội, báo ấy có viết luôn mấy lý kịch liệt công

CA DAO MỚI

Chơi dao thì phải đứt tay,
Hại người, người lại có ngày hại cho.
Nhân to thì quả cũng to,
Yêu nhau mà một chuyến đò mới nên.

***

Làm người có chí thì nên,
Khôn ngoan thì được, vơn hèn thì thua;
Người đời chẳng muốn ganh đua,
Thì đeo tràng hạt lên chùa mà tu.

***

Qua sông lại gặp sông sâu,
Muốn sang thì phải bắc cầu mà sang.
Chớ nên bỏ ngãi tham vàng,
Bể dâu cả thiếp lẫn chàng tát chung.

***

Yêu nhau như bát nước đầy,
Sống kia chan cạn, lòng này chưa phai
Tri-âm nào những ai ai?
Ở đời kiếm cả đức tài, khó thay:

***

Thương ai nhan sắc mĩ-miều,
Sa cơ lỡ bước lắm chiều gian truân;
Qua đông rồi lại sang xuân
Cây khô mưa móc thấm nhuần lại tươi.

***

Bắc thang lên hỏi ông Giời:
Cớ sao ông để chỏ người giết nhau?
Chẳng trừ lũ ác cho mau,
Còn quay mãi quả địa cầu được chăng?

Hơn nhau vì mỗi đồng tâm;
Kém nhau vì kém cái tâm mắt trông.
Sống chung mà chẳng ích chung,
Chẳng qua là giống vi-trùng thế gian

***

Sang anh chửa thật là sang.
Giàu anh cũng gọi lòàng-nhoàng thế thôi.
Thằng Bờm, đồi quạt lấy xôi,
Mua anh thì phải có mồi mới câu.

***

Nuôi anh từ thuở học trò,
Tưởng rồi đỗ đạt làm to thế nào...
Chung quỉ cũng lại cào-cào,
Bay quanh ngọn lửa làm cao với đời.

***

Cầu dài lắm lại giả dối,
Cả khoảng nước mắt mồ hôi sao bền.
Mặc dầu đốt trắng thay đen,
Xanh xanh đã có ngọn đèn giời soi.

***

Hồ Gươm mặt nước xanh xanh,
Đền vua Lê vẫn rõ rành nét bia.
Cuộc đời thịnh thịnh suy suy,
Ba-bà nào phải thần qui hiện hình.

***

Sao cho vợ chồng chung tình,
Nằng mưa lên thác xuống ghềnh cùng nhau.
Trăm năm lấy nghĩa làm đầu,
Một đời bất nghĩa sang giàu mặc ai.

LHỤY THIÊN

---

kích cụ nghè Ngô Đức Kế, hòng gây một cuộc bút chiến sôi nổi làm cho độc giả chú ý đến mình. Nhưng, chỉ vì báo ấy viết ra lắm lời khiếm nhã, mà lại thêu dệt bịa đặt, không trọng sự thực, nên cụ Ngô không thèm (chứ không phải sợ) đáp lại nửa lời. Rồi được ít lâu, báo ấy cũng đem thêu những lời mạt sát vô lý kia xuống « nhà thiên-cổ ».

Người ta thừa biết mánh lới của một vài tờ báo, khi mới ra đời, thường dùng cái « thuật » công-kích người ta, « gây sự » với báo kia, mong sao cho đạt cái mục-đích: « già mồm » để cho người ta đếm-xỉa đến.

Nhưng, độc-giả sẽ là những vị « quan tòa » xét xử rất công-minh, dư luận bênh chính sẽ làm cho rõ rệ bòng trắng, bên đen: bấy giờ sự thực sẽ trả lời họ.

Tục-ngữ có câu « *Cạn ao bèo dồn đến* », và « *chảy nhà ra mặt chuột* »: chính là ý thế.

H. B.

ĐẠI-NAM DẬT SỰ

Số 39 *Ứng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXIX.— Mười hai sứ quân (*bài rồi*)

Trần-Lãm xưng Trần Minh-Công, quán ở trấn Quảng-đông, bên Tàu. Cha là Trần công-Đức, đến Trần-Lãm sang nước ta chiếm cứ Bố-hải-khẩu, nay là xã Kỳ bố, huyện Vũ-tiên, phủ Kiến xương, tỉnh Nam định, khi Trần Minh-Công đang quân ở đây còn là cửa bể. Lúc bấy giờ, nước Việt ta nhân dân khổ sở lầm than, không biết nương-tựa vào đâu, có Đinh-Bộ-Lĩnh người ở Đại hoàng, đến xin làm con nuôi Trần Minh-Công, Minh-Công cho Bộ-Lĩnh cả binh pháp và sĩ mã. Từ bấy giờ Bộ-Lĩnh ẩn nấp ở trong rừng núi, rước mời những người mưu trí, chiêu-tập những dân lưu-vong, khởi nghĩa-binh được vài ngàn người cùng với cha nuôi là Trần-minh-Công, đồng tâm hiệp lực, để dành dẹp yên dân, có một hôm về năm 968 Minh-Công cho Bộ Lĩnh đem quân đi đánh một trận tất kịch-liệt, dẹp yên cả mười một sứ quân khác. Bộ-Lĩnh bèn lên ngôi hoàng-đế, đặt tên nước là Đại-cồ-Việt, đóng kinh-đô ở Hoa-lư.

Sau khi Đinh-Bộ Lĩnh lên ngôi, phong thưởng các công-thần và các cường-sĩ có lần lượt, phong Minh-Công làm Phụ đực quốc-thinh thượng công, cho được ấp ở đạo tơn-Nam, khi Minh-Công làm việc tại trong đạo (tức trong tỉnh) được thanh bình, muôn dân no đủ, bốn bề lặng yên. Minh-Công nói với vua Đinh xin đi chu-du thiên-hạ, chọn một nơi sinh-từ (nhà thờ làm từ khi còn sống) để lập chỗ thượng-bỏa về sau, vua Đinh bằng lòng, Minh Công bèn đi xe dạo khắp trong đạo, ngoạn thưởng non sông, cũng có khi gẩy đàn ngâm thơ, đối cùng giới đất.

Có một hôm Minh-Công đi đến trang Lục-đạo, phủ Thiên-trường, nhưng phụ lão nhân dân ra làm lễ lạy mừng. Minh Công bèn dừng xe đóng quân ở đấy, Minh Công dạo xem trong ấp, thấy sông núi quanh co, tay long tay hổ ôm lại, núi không cao mà đất cát khổng lẫn, nước không trong mà ruộng được mùa, Minh Công liền truyền cho binh-sĩ và nhân dân, lập một nơi hành-cung ở giữa làng khi làm xong, Minh-Công mở tiệc uống rượu, tuyên triệu phụ-lão nhân dân cùng lại bầu yến, rồi cho nhân dân hai mươi nén vàng để mua ruộng đất đặt làm công bản về sau. Nhân dân bái lĩnh xong, Minh-Công lại đi xe về triều, xin trang Lạc-đạo làm dân tạo-lệ (tạo lệ nghĩa là quét dọn, dân tạo-lệ thì không phải xưu thuế nhưng phải làm các việc binh lương đều được tha. Vua Đinh chuẩn cho, từ bấy giờ trang Lạc-đạo được ấm no, nhân dân thuần hậu, đều là nhờ ơn-đức.

Minh Công về triều, làm phúc tướng quốc, phàm đánh đông dẹp bắc, có nhiều kỳ-công, ban thưởng công-thần không ai hơn nổi, Minh Công ở triều vài năm, lúc ấy đã ngoài 60 tuổi, nộp ấn từ chức quan, về ở trang Lạc-đạo để tiện việc dưỡng nhàn, về ở cung sở, khuyên dạy làm ruộng giồng dâu bảo dân cấy cày, khởi xướng việc lợi, trừ bỏ điều hại, được vài năm, nhân dân nhờ lâm, dân thuần tục tốt, đủ làm một làng văn-hiến.

Sau bị bệnh, cầu khẩn khắp nơi, uống thuốc không khỏi, rồi mất ở nơi chính-tẩm giữa hành-cung. Hôm ấy là ngày mười tháng mười, nhân dân làm lễ an-táng. Vua Đinh nhớ công đức, liền sắc chỉ tặng phong làm « Quốc-tổ Trần Minh-công đại-vương, gia phong Liệt-tổ Linh-ứng thượng đẳng thần » sai quan đưa về để tế và ban ba trăm quan tiền cho nhân dân sửa sang miếu, hàng năm đến mùa xuân mùa thu sai quan đến tế.

Trải qua Lê, Lý, đến đời Trần Duệ Tông đi đánh Chiêm-thành và Lê Thái-tổ khởi nghĩa đánh nhà Minh, đều có ấm phù, nên triều nào cũng có sắc phong Dũng-quốc-công Hoằng-độ Đại-vương, Liệt-tổ Linh-ứng thượng-đẳng-thần.

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Hộp thư

Ô. Trần ngọc Sán, Vĩnh-yên — Đã nhận được số tiền 12$ mua 6 tháng báo T.T. từ 1er Août 1944.

BIA VĂN MIẾU

NHƯNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 92

Ông-bà NGUYỄN-VĂN-TỐ

6. — **Nguyễn dương-Cốc**, người làng Đan-liên (Chảo-nha), huyện Thạch-hà, phủ Hà hoa, tỉnh Nghệ-an. Năm 24 tuổi đỗ tạm giáp khoa Tí-sửu 1505. Làm quan đến giám sát ngự-sử (dịch ở *Đăng khoa lục*, q. 2 tờ 3 a; *Đăng khoa bị khảo*, q. Nghệ-an, tờ 48 a, chép đỗ năm 28 tuổi).

7. — **Ngô-Tảo**, người làng Đan-phiềm, huyện Tế-giang (Văn-giang), phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc (Bắc-ninh). Năm 32 tuổi đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến tham-chính. Sinh ra Ngô-thuật-Không, đỗ tam giáp khoa 1547 *Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 3; *Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 96 b).

8. — **Đỗ-Hoằng**, người làng Hoàng-ma, huyện Yên-dũng, phủ Lạng-giang, trấn Kinh-bắc. Năm 33 tuổi đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến Lễ bộ tả-thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 73 b). *Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 3 a, chép đỗ năm 23 tuổi, làm quan đến Lễ-bộ hữu-thị lang.

9. — **Nguyễn - đình - Lại**, người xã Lạc-tổ, huyện Siêu-loại phủ Thuận an, trấn Kinh-bắc. Đỗ hội nguyên đình-thí thì đỗ tam giáp khoa 1505. Nguyên trước tên là Lãn nghĩa là lười; vào Lê Uy-mục đổi là Đình-Lại, nghĩa là triều-đình nuôi. (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 3 a; *Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 104 a).

10. — **Tống-sư-Lộ**, người làng Tân-mộc, huyện Nông-cống, phủ Tĩnh-gia, trấn Thanh-hoa. Năm 33 tuổi đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến tham-chính. Là ông nội Tông Nục, đỗ tam giáp khoa 1670 (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 3 a; *Đăng khoa bị khảo*, q. Thanh-hóa, tờ 48 a).

11. — **Nguyễn - nhân - Sĩ**, người huyện Vĩnh-lại, tỉnh Hải dương. Đỗ tam giáp khoa 1505 (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 3 b). *Đăng khoa bị khảo* (q. Hải-dương, tờ 49 b) chép là Vũ-nhân-Sĩ, người xã Nhân-phú, huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương.

12. — **Nguyễn-phi Hổ**, người làng Kim-đô, huyện Thạch-hà, tỉnh Nghệ-an. Năm 33 tuổi đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến thiêm đô ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, q. Nghệ-an, tờ 48 b; trong nói một câu bằng Quốc-sử chép người Gia-lâm; *Đăng khoa lục*, q. 2 tờ 3 b, chép đỗ năm 27 tuổi)

13. — **Lê-đức-Mạo**, người làng Đường-hồi (Thiên-đường), huyện Yên lãng, phủ Tam-đới, tỉnh Sơn-tây. Năm 32 tuổi đỗ tam giáp khoa 1505 Làm quan đến tự khanh (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây, tờ 44 a-b; *Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 3 b).

14. — **Nguyễn - văn - Bính**, người làng Thổ hoàng, huyện Thiên-thi, phủ Khoái-châu, trấn Sơn nam. Năm 26 tuổi đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến Công khoa đô cấp-sự trung (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 3 b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 71 b).

15. — **Nguyễn-Huy**, người xã Hạ Thanh-oai huyện Thanh-oai phủ Ứng thiên, trấn Sơn nam. Đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến thừa-chính-sứ, tri sĩ (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 3 b; *Đăng khoa bị khảo* q. Sơn-nam, tờ 36 b).

16. — **Hoàng-Trung**, người xã Thượng-đáng, huyện Thanh lâm, phủ Nam sách, tỉnh Hải dương. Đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến Hộ khoa đô-cấp sự trung (*Đăng khoa lục*, q. 2 tờ 3 b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 62 a).

***

Trả lời tạp-chí Văn mới

(Hàn Thuyên)

Tạp-chí *Văn mới* số 38 39, ra ngày 25 tháng 7 tây vừa rồi, đăng ở mục *Văn mới tạp trò*, dưới quyền *Văn minh sử*, một bài đặt tên là *Bia đá và bia huyệng (!)*: *Câu chuyện « Những ông Nghè triều Lê »*. *Văn mới* đặt bài trước « chỉ so ý hỏi » (?) tôi hai điều: một là « có nên dùng 1 1 giờ đi tìm ngày sinh tháng đẻ quê quán, chức tước của những cả nhân ông Nghè triều Lê không », hai là « sao không... bền khảo những vấn đề văn hóa, xã hội, chính trị của nước ta hồi xưa...? »

Nếu « chỉ có ý hỏi » hai điều ấy, sao lại có câu: « Các độc-giả (?) sẽ phải tự hỏi: Biết về quê quán, tên tuổi, chức tước của những ông nghè kia (!) phỏng có ích gì? » Bây giờ nói chữa như thế, có phải là tại *Văn mới* đã bắt đầu thấy ngộ rồi không? Hay là tại giềm không nổi, mà cái lối vu-hoạ đã anh-rành ra đấy?

(Xem tiếp trang 8)

KHẢO VỀ VĂN NÔM trong thế-kỷ 18-19

Ứng-hòa NGUYỄN-VĂN-TO

Nhà xuất-bản *Đời mới* vừa cho ra quyển *Phan-Trần Chúc, Văn-chương quốc âm về thế-kỷ XIX*, được 164 trang khổ giấy 12×19.

Ông Phan Trần Chúc lại đăng báo rằng: quyển ấy « mới khởi thảo, hiện viết chưa xong và cũng chưa kịp sửa chữa lại, nhà Đời mới đã tự sửa chữa đi theo ý mình, vậy cuốn sách đó xin coi như tác-phẩm của riêng nhà ấy ». Nay tôi cứ quyển sách đã in mà xét, vì bổn phận nhà phê-bình hễ thấy chỗ sai nhầm thì phải nói.

Quyển ấy tên sách đề là thế-kỷ 19 mà trong nói cả đến các thế-kỷ khác, như mấy tên đầu bài dưới này. *Từ nguồn-gốc văn-chương Việt nam đến việc sáng kiến ra chữ nôm* (tr. 5—40); *Văn-xuôi* (tr. 41—92); *Văn lục bát và lục-bát gián thất trong các tiểu-thuyết và sử ký* (tr. 93—164).

Xem thế thì biết xếp đặt không có thứ tự: đáng lẽ lối văn vần phải nói trước lối văn xuôi mới đúng, vì cả sách ta đều chép nước ta có thơ phú nôm bắt đầu từ đời Trần. Sử chép rằng: « Mùa thu tháng 8 năm Thiệu-bảo thứ 4 (1282), có con cá ngạc (cá sấu) đến sông Phú-lương (tức Nhị-hà). Vua Trần Nhân-tông sai Hình bộ thượng-thư là Nguyễn Thuyên làm văn ném xuống sông. Cá ngạc tự đi (chỗ này ông Phan-Trần Chúc chép là « làm văn tế » thì không đúng, vì chữ nho chỉ có chữ « vi văn đầu chi giang », nghĩa là làm văn ném xuống sông, chứ không có nghĩa gì là tế, vả lại đã tế là kính-cẩn, không có lẽ lại ném). Vua cho việc ấy giống việc Hàn-Dũ, nên ban cho Nguyễn Thuyên là họ Hàn-Thuyên là người Thanh-lâm, Hải-dương, đỗ thái-học-sinh đời Trần Thái-tông (1225-1282), hay làm thơ phú bằng quốc-ngữ (quốc âm hoặc nôm), người ta bắt-chước nhiều. Vì thế đời sau gọi thơ quốc-âm là Hàn-luật. — Thơ phú nước ta phần nhiều dùng quốc ngữ bắt đầu từ đấy. (*Khâm-định Việt-sử, chính biên*, q. 7 tờ 26 a, và *Việt-sử tổng vịnh*, q. 6, tờ 4 a và b). Cứ như thế, thì lúc ấy mới có thơ, phú, chứ chưa có văn xuôi bằng quốc-âm, và xem như sử chép thì bài văn ném xuống sông, không phải là bài văn quốc-âm, cho nên bài cái không chép một chữ gì là có chữ quốc-âm. Nhân việc Nguyễn-Thuyên làm văn ném cá ngạc, nên bài con mới chép sự-tích Nguyễn-Thuyên quê ở đâu, đỗ năm nào, và là người hay làm thơ, phú bằng quốc-âm. Cũng như chép: « Năm thứ 14 hiệu Hưng-long (1305) đời Trần Anh-tông, sai Thiên-chương học-sĩ là Nguyễn-sĩ Cố giảng *Ngũ kinh* », đến bài con lại chép rằng: « Sĩ-Cố là người hay Khôi-hài, người ta ví với Đông-phương-Sóc, lại hay làm thơ, phú bằng quốc-âm, nhiều người bắt-chước » (*K. đ.*, chính-biên, q. 8, tờ 44 a) thế thì việc hay khôi-hài và việc làm thơ, phú nôm có dính gì đến việc giảng *Ngũ kinh* đâu? Đại-khái văn nôm nước ta thoạt tiên có từ đầu đời Trần (vào khoảng năm 1225—1282) mà mới có thơ, phú chứ chưa có tản-văn. Còn như hai tiếng văn xuôi, là từ ngày báo quốc-ngữ thịnh-hành mới có, về đời chữ nôm, thì gọi là tản văn, chứ chưa gọi là văn xuôi, nay đem hai tiếng văn xuôi mà gán vào thế-kỷ 19, thì có lẽ không đúng.

Nội-dung quyển sách chia ra ba đoạn, như trên vừa nói, đoạn nào cũng kể qua tiểu-sử về người làm, rồi trích dẫn một vài câu. Tưởng như thế, mà làm cho kỹ lưỡng, thì cũng bổ ích; nhưng quyển này làm hơi đối, mà lại nhầm nhiều, lại có chỗ viết những câu quá đáng, như trang 19 có câu: « Các thơ văn của Nguyễn Trãi và Nguyễn Bỉnh-Khiêm, tuy ý-tứ chân thật, nhưng văn-từ lạt-lẽo và vụng về không biết nhường nào » so với câu: « Văn-chương của chúng ta hồi đó đương ở vào thời-kỳ phôi-thai » thật là trái nghĩa. Đã biết là phôi-thai, sao lại còn chê là vụng về. Nhầm mà ai cũng biết thì như trang 162-163 có câu: « Nhị-độ-Mai cũng thuật lại một truyện đã xảy ra về triều nhà Minh bên Trung-quốc ». Mở *Nhị độ-Mai* ra xem, ngay trang đầu có câu « Truyện ngoài xem *Nhị-độ-Mai*, nhà Đường truyền tốn là đời Tức-tông (756-762) ». Thế thì *Nhị độ Mai* là truyện đời đường, chứ có phải truyện đời Minh đâu?

Cứ kể ra, nếu so sánh lại từng đoạn một, xem có phải hay không, những câu văn trích dẫn có đúng hay sai, thì bài này còn dài lắm.

vả lại so sánh những câu văn lý, sẽ để vào mục *đính chính văn cổ*. Nay chỉ góp thêm một ít tài-liệu, là kê những tên truyện nôm hay tên một bài văn nôm, xuất hiện ở trong hai thế kỷ 18 và 19. Lần lượt trên đ rồi thì cứ theo *Đại-nam liệt truyện*, là một quyển sách chắc-chắn, vì cả tòa Sử quán kê cứu và biên tập. Những truyện dịch dưới này, phần nhiều chưa ai dịch ra quốc-ngữ, có đoạn hơi dài, nhưng tưởng cũng giúp ích cho sử-học, nên tôi dịch cả.

Trong thế-kỷ 18 có chuyện *Huê tình* (Hoa-tình) của Hoàng-tử Tứ tức Đán (1699-1753). Hoàng-tử là con thứ tám chúa Hiền-tông (Nguyễn phúc-Chú) mẹ họ Tông. Năm 1715 được bổ chức Nội-hữu cai-đội, ông là người béo tốt có độ lượng, học rộng xem nhiều, sở trường thơ quốc-âm, khi chúa Thế-tông (Nguyễn Phúc Khoát) nối ngôi, ông vì có tài bị chúng ghen-ghét, bèn nghỉ việc, chúa Nguyễn sai làm tư-đệ (nhà riêng) ở Hương-cần (thuộc huyện Hương trà), ông không dự chính-sự, thường dạo chơi son thủy, lấy câu thơ chén rượu làm vui, ông có soạn quyển chuyện nôm, là *Huê tình*, lời văn hay lắm, đời còn truyền tụng, đến năm thứ 14 hiệu cảnh-hưng nhà Lê (1753) ông mất, thọ 55 tuổi, truy tặng Thiếu-sư Luân-quốc-công (*Đại-nam liệt-truyện*, tiền biên, q. 2, tờ 16 b 17 a).

Truyện *Song-tinh bất dạ* của Nguyễn - hữu - Hào. Hào là con trưởng Nguyễn - hữu - Dật (1604-1699), từ lúc nhỏ đã theo cha đi đánh dẹp, tập biết việc quân, người có dũng lược. Đầu đời chúa Anh-tông (1687-1690) Hào làm Cựu-

Thống-chế Pétain đã nói :

Đối với hết thảy chúng ta ngày nay, sự kiên nhẫn có lẽ lại là thứ can đảm cần nhất cho chúng ta.

dinh cai-cơ. Năm kỷ tỵ (1689) Phó-tướng là Mai vạn Long đánh Chân-lạp, vì thua bị bắt, chúa Nguyễn đang chọn chức tướng-soái, thì có chưởng cơ là Hoàng-Khí tiến Hữu-Hào, chúa cho làm thống-suất để đi đánh Chân-lạp, sau vì dùng dằng hỏng việc, bị truất. Đến chúa Hiếu-tông (Nguyễn-phúc-Chú) lại khai phục làm cai cơ, coi cơ Hữu-súng, dần dần thăng Chưởng-cơ. Đến năm Giáp-thân (1704) ra làm trấn-thủ Quảng-bình, khi Hữu-Hào đến trấn, yêu thương sĩ tốt, vỗ về trăm họ, quan-lại nhân- dân thân yêu kính-mến, gặp bấy giờ trong cõi bình yên, ông lưu tâm đến hãn mặc, thường làm truyện nôm, gọi là *Song-tinh bất dạ*, người còn truyền tụng. Đến mùa thu năm Quý-tỵ (1713) mất, truy tặng Đôn-hậu công-thần (Lược theo *Đại nam liệt truyện*, tiền biên, q 3 tờ 41 b đến 43 a).

Truyện *Sãi vãi* của Nguyễn-cư-Trinh (1716 - 1767) Nguyễn cư-Trinh là con út Nguyễn-đăng Trinh (tiên-tổ là người huyện Thiên-lộc, Nghệ-an, nguyên họ Trịnh, ông tổ xa là Trịnh-Cam làm quan nhà Lê đến Binh bộ Thượng-thư, khi nọ Mạc cướp ngôi nhà Lê, Trịnh Cam lánh vào Thuận-hóa, định chiêu-tập những người trung-nghĩa để khôi phục, cuối thành công đã mất, con cháu vào làng ở xã Anh-hòa, huyện Hương-trà, đời nào cũng có người đỗ, đến Đang-Thịnh là bảy đời, thì đỗ sinh-đồ, bắt đầu bổ huấn-đạo, sau thăng tri-huyện Minh-linh có tiếng là giỏi chính-sự, được thăng vào việc văn-chức, tấu đối rõ ràng, nghị luận rộng suốt, chúa Hiền-tông yêu mến, cho họ là họ Nguyễn). Đến Cư-Trinh thông minh hơn người, mười một tuổi, đã giỏi văn, hay thơ, cùng anh họ là Nguyễn-đăng-Thịnh nổi tiếng văn-chương, đỗ hương - cống khoa Canh - thân (1740) làm tri-phủ Triệu-phong, dần dần thăng văn chức, gặp việc dám nói có phong-độ là người tránh-thần (bày tôi can ngăn) Mùa hạ năm Giáp-tý (1744) chúa Thế-tông (Nguyễn-phúc-khoát) lên ngôi Vương, những luật lệ đều Đang-Thịnh đặt ra, mà văn-từ thì do tay Cư-Trinh thảo. Trinh là người khẳng-khái, có mưu lược, y lệc làm thường hợp thời-cơ. Mùa xuân năm Canh ngọ (1750), thăng làm tuần phủ Quảng nghĩa, ở Quảng-nghĩa có mọi Thạch bích, thường hay quấy nhiễu, quan quân đánh mãi không được, Cư-Trinh đến, tìm thư phủ dụ, nó cũng không ra, bàn mưu tiến đánh, nhiều người cho là hiểm xa, khó dậy, để cản trở việc tiến quân. Cư-Trinh làm truyện *Sãi vãi* (tiếng Trung Nam kỳ là Sãi, vãi, cung như tiếng Bắc-kỳ Sư tăng và Sư ni) bằng chữ nôm, đặt ra lời vấn đáp để tỏ ý răn bảo. Rồi tiến quân, giặc mọi trốn chạy tan hết, Cư-Trinh sợ đem quân về, thì quân giặc lại tụ họp, bèn tới tận đó, lập ra đồn trại, đặt đồn-điền, nghiêm việc

(*Xem tiếp trang 18*)

Ông Nghè triều Lê

(Tiếp theo trang 5)

Chắc độc-giả còn nhớ *Văn mới* diễn bài *Ông Nghè* vào số 22-23, — « mượn » bài *Ông Nghè* vào số 34-35 để mà dẫn tuổi số 34 35 lại có câu hỏi bài *Ông Nghè* « phỏng có ích gì? »

Nhưng đã biết ải-quá là được rồi. Chỉ còn cái tật nói vu-vơ, nên chữa *Văn mới* lỗi « sao không biên khảo những vấn đề... chính trị... », lại « đi tìm ... ức tước của những ông Nghè? ». Ai đọc hai câu ấy, cũng hiểu ngay là *Văn mới* chưa biết cách làm sử. Thật rõ. Trước khi « biên-khảo những vấn-đề chính-trị », cần phải « đi tìm chức tước » của những người cầm quyền chính-trị. Mà người cầm quyền chính-trị ở nước ta ngày xưa là ai? Chẳng phải số đông là ông Nghè ư?

Kỳ trước (*Tri tân*, số 149) tôi đã nói qua đến việc khảo-cứu lịch-sử: Muốn cho chắc-chắn, cần phải phân-tích, rồi mới tổng-hợp. Nhân việc ấy, tôi có bảo *Văn mới* hỏi ông Lương Đức Thiệp lấy tài-liệu ở đâu mà làm quyển *Xã hội Việt Nam*. Chẳng phải một phần ở bài *Ông Nghè* ư? Thế thì phải kết rằng bài của *Văn mới* mà tôi sao trên đây là câu đặt ra để lập cái lối « ...đánh trống... ..... », nhưng vì *Văn mới* không được thẳng-thắn, nên không biết trong hai câu ấy đã trái nhau, mà cũng không biết thế là lộ cái chân mòng của mình ra!

Văn mới lại nói sao tôi không « soạn ra những tác phẩm khả dĩ xứng với lòng mong đợi của thanh niên... mà lại chỉ cặm cụi đi biên biên chép chép những cái vụn vặt (?) thuộc về tăng cá nhân các ông Nghè triều Lê? » Có chắc là « vụn vặt » không? Truyện vua Lê Tương Dực với Mạc Đăng Dung chép vào sự tích mấy ông Nghè, đăng trên bài trả lời *Văn mới* kỳ trước (*Tri tân*, số 149, tr. 12 13) cũng là truyện vụn vặt à?

« Tác phẩm khả dĩ xứng với lòng mong đợi của thanh niên » chính là bài *Ông Nghè* mà bài ấy chính là thanh-niên bảo tôi viết ra, dưới này tôi sẽ nói rõ. Hiện giờ nhiều bạn thanh-niên vẫn đến thư-viện Báo cổ mượn thêm tài-liệu, để soạn sách về những vấn-đề thuộc về ông Nghè, như vấn-đề *Quan-chế triều Lê*, — *Lối văn bia đời Hậu Lê*, — *Luân-lý Khổng Mạnh đối với những ông Nghè triều Lê*, — *Những quan văn quan võ tiếng của nhà Lê*, — *Lịch-sử địa-dư nước Đại-Việt về hồi đầu Lê, trong thế-kỷ thứ 15-16*, — v.v., toàn là sách dùng lối tổng hợp làm theo bài *Ông Nghè triều Lê*. Có bạn bắt đầu khảo về khoa-cử như *Khoa minh kinh đời Lê*, khoa thu-toán, v.v. Dù soạn được hay không, dù sau này vì lẽ gì không in được, cũng nên chú ý đến những đầu đề ấy, vì có quan-hệ đến một đoạn sử nước ta, xem thế thì bài *Ông Nghè* không phải là không có ảnh hưởng.

Văn mới lại muốn nói thêm tôi ba điều nữa. Điều thứ nhất là « Đa số thanh niên (?) muốn trông cậy vào sự hướng dẫn của « thế hệ đàn anh » để hiểu rõ cuộc sinh hoạt dĩ vãng của dân tộc có quyền (!) đòi hỏi ở một người như cụ những công trình nghiên cứu có bề thế nghiêm trang hơn (?) cái công trình sao lục gia phả các ông Nghè triều Lê không? »

Câu này cũng mâu-thuẫn như câu trên. Đã « muốn trông cậy vào sự hướng dẫn », sao lại « có quyền đòi hỏi »? Nhưng không hề chi: đó chỉ là giọng *Văn mới* chứ thanh-niên tri-thức hằng ngày giao-tiếp với tôi về việc khảo-cứu hoặc việc cá-nhân học, không bao giờ ăn nói như thế.

Trên kia tôi có nhắc lại rằng chính những bạn thanh-niên bảo tôi chép sự-tích *Ông Nghè triều Lê*; trong bài tựa đăng ở *Tri tân* số 25 ngày 28 tháng 11 năm 1941, trang 3, tôi có viết một câu rằng: Ngày 30 tháng 10 năm 1941, các bạn thanh niên có chân Hội Truyền-bá quốc-ngữ (ở Hà-nội có hơn vạn người), nhân nghe tôi nói chuyện ở Hội Tri-tân về nền học cũ của nước ta, có « bảo tôi nên đem bia Văn-miếu ra khảo-cứu để bổ-khuyết một đoạn lịch-sử nước nhà. » *Văn mới* không đọc kỹ mà dám bịa ra « đa số thanh niên...đòi hỏi...những công trình » thế này thế kia! Chính thanh niên đòi bài *Ông Nghè*, cho nên khi thấy *Văn mới* bịa ra như thế, nhiều người lấy làm giận lắm, có viết thư cho tôi, phần nhiều là những người tôi chưa gặp bao giờ, như ông Đặng Bá Lệnh (ở Đồ sơn, rue du Marché) viết cho tôi một bức thư như sau này (tôi xin lỗi ông Lệnh đã tự-tiện trích ra đây, mà chưa kịp phúc-đáp): « Cách đây 20 năm, khi tôi còn là cậu học-trò 17 tuổi lúc mới bước chân lên đất nghìn năm văn-vật, cảm tình biết bao chan-chứa mông-mang, tri hiếu-cổ nhưng bàng-khuâng, thao-

nhức khi bước chân vào Văn miếu trông thấy những tấm bia tấm gối phong-sương, trải bao nhiêu triều-đại, là những dấu-tích bất hủ của Văn-hóa Việt-Nam đã gần năm thế-kỷ. Bỗng dưng tôi thấy hiện lên những bực vua thánh tôi hiền, những cuộc loạn-ly hưng phế; rồi cứ ngày ngày tôi đi dò, đọc từng bia, tra từng tên ông nghè, xem kỹ-lưỡng từng niên hiệu, bắt đầu từ bia Hồng-đức cho đến bia cuối cùng đời Cảnh-hưng. Vì chữ kém, lại bia mòn, nên tôi ao-ước giá có một ngày kia ai sẽ dịch rõ-ràng đăng báo hay ra sách thì hay quá. May sao, năm 1941 báo *Tri tân* ra đời, đăng bài *Những ông Nghè triều Lê* của cụ Cái mộng 20 năm của tôi đã thực-hiện; tôi không biết lấy chi cân cho cái mừng ấy. Thế mà có kẻ dám bảo cụ làm việc vô ích thì họ bậy thật, tầm-bậy họ ra sao...»

Ngoài bài *Ông Nghè*, kỳ nào *Tri tân* cũng đăng một bài *Đại-Nam dật-sự*, một bài *Đính-chính văn cổ* và một bài phê-bình; bài báo cũng được độc-giả hoan-nghênh và viết giấy tưởng-lệ. Duy *Văn mới* theo ý riêng, mạo tên «đa số thanh niên» cho việc «sao lục gia-phả các ông Nghè» là không được «nghiêm-trang»! Đã là thanh-niên tri-thức, thì ai cũng hiểu cái giá-trị những quyển gia-phả cũ, ai cũng biết gia-phả là một thứ sử-liệu rất quí; có quyển chép được những việc mà quốc-sử không chép đến. Cách đây 15 năm, nhờ có một quyển gia phả, người ta biết được tên ông Ôn-như hầu soạn ra quyển *Cung oán* là ông Nguyễn-gia-Thiều. Tôi tưởng rằng không được cái may-mắn sao gia-phả của các ông Nghè; giá sao được, thì cũng có khứ tìm ra nhiều điều mới cho văn-học sử học. Từ trước đến giờ, tôi chỉ đọc bia Văn-miếu, sách *Đăng-khoa* và bộ *Khâm-định Việt-sử*, chỗ nào cũng dẫn rõ-ràng: thế mà *Văn mới* lại bảo tôi «sao lục gia phả» có phải là bịa không?

Văn mới bảo tôi xem thế làm được những công trình nghiên cứu tổng hợp về từng phương diện sinh hoạt của xã hội Việt nam xưa để xứng với lòng tin cậy của thanh niên... không?» Câu này cũng sai như câu trên. Đã «trí tân» thì chỉ «ôn cổ», chứ không «tổng hợp». Nhưng tôi cũng có viết mấy bài tổng-hợp bằng chữ Pháp cho tập kỷ-yếu Hội nhân-chủng (*Bulletin de l'Institut indochinois pour l'étude de l'Homme*), như bài *A propos de chants et de jeux d'enfants annamites — La région de Đền-châu d'après les documents chinois et annamites, — Noms de lieux cham-annamites, — Les tombeaux đồng dans le delta du Tonkin, — Une version annamite du conte de l'homme qui comprend le langage des animaux*, in năm 1943.

Văn mới nói «mong tăng» tôi «trả lời thẳng (?) những câu hỏi đó», nên tôi kể hết ra đây, và nói rõ cái âm-mưu của *Văn mới*. Vẫn biết như thế là làm phí giấy *Tri tân*, nhưng thế-tượng cần phải vạch cái lối phỉ báng của *Văn mới* để cho những kẻ mạnh tâm làm bậy chừa đi.

Văn mới còn hỏi tôi một câu nữa, là câu «nghiên cứu sử học là để giúp đa số thanh niên nhiệt tâm muốn tìm hiểu dĩ vãng và tích trình tiến hóa của dân tộc, hay chỉ để thỏa mãn sự tò mò tủn mủn (?) của một miếu số độc giả thuộc vào loại trí thức quý tộc»?

Hỏi như thế càng rõ cái thiên-kiến ra vì rằng «muốn tìm hiểu dĩ vãng và tích trình tiến hóa», thì còn gì hơn xem-xét việc học đời trước và sự-nghiệp những người thành tài, để tôn sùng các bậc vĩ-nhân đã làm vẻ-vang cho đất nước. Về đời Lê, những bậc vĩ nhân ấy phần nhiều là những bậc đỗ «rõ gương khoa giáp, rõ nêu tướng khanh», hiện giờ còn nhiều làng thờ làm phúc-thần.

Văn mới lại gọi độc-giả bài *Ông Nghè* là «loại (!) trí thức quý tộc»! Thế là *Văn mới* không biết: dù là người chân chính, thì không bao giờ chú ý đến hạng độ-giả nào. Học hay đọc báo thì không bao giờ chia ra quý-tộc với bình-dân. Sự học cần phải cho rộng, đọc bài *Ông Nghè*, cũng là học, mà học được một bài có lợi, vì biết được cái gương thành bại, hiểu được cái lẽ sinh-tồn vĩnh-viễn của nước Đại-Việt.

Còn một điều nữa: trước kia *Văn mới* bịa ra «các độc giả lớn». Tôi có bề, thì *Văn mới* đổi ra «đa số thanh niên», nhưng vẫn bịa, vì biết thế nào được «đa số»? Phải có một viện điều-tra như viện Gallup ở bên Mỹ hay ít ra cũng phải đến hội những hội học, như Hội Tri-trí, Hội Truyền-bá quốc-ngữ.

Chẳng qua *Văn mới* (Hàn Thuyên) bịa ra hết, mà lại làm xáo rối chữ «phương-pháp khoa-học» là chữ của *Văn mới* thường nói. Nếu *Văn mới* không thôi thì tôi còn có dịp phê-bình hơn nữa.

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

TRƯƠNG-HÁN-SIÊU

(?-1354)

NHẬT-NHAN

TRONG số cá danh-thần nhà Trần, Trương-Hán Siêu là một văn-thần thông minh cương-trực, có tài kinh tế, đã từng để lại một sự-nghiệp văn-phương rất vẻ vang, còn truyền tụng tới ngày nay.

Trương-Hán-Siêu, tự Tuăng-phủ hiệu Độn tẩu người xã Phúc-thành, (nay là Phúc-ấm), huyện Yên-minh (nay là Yên-khánh) thuộc tỉnh Ninh bình, trước làm môn khách nhà Hưng-Đạo-vương Trần-quốc Tuấn, được Đạ-vương tiến-cử lên vua Trần Anh-Tôn (1293-1314).

Năm Hưng long thứ 16 (1308), vua Trần Anh-Tôn tặng ông chức Hàn lâm học-sĩ.

Niên-hiệu Khai-thái (1324-1329) năm đầu, vua Trần-Minh-Tôn (1314-1329) phong cho ông chức hành-khiển.

Năm thứ 11 niên-hiệu Khai-hựu đời Trần Hiến-Tôn (1329-1341), ông sung chức môn-hạ Hữu-tự-lang trung.

Đời Trần Giụ-Tôn (1341-1369), ông cùng Nguyễn-Trung-Ngạn biên định *Quốc-triều đại-điển* và khảo soạn *Huấn-Thư*.

Năm Thiệu-phong thứ hai (1342) ông được thăng Tả-tư-lang-trung kiêm Lạng-Sơn kinh-lược-sứ. Năm thứ 5 (1345), được kất lên chức Tả gián-nghị đại-phu và đến năm thứ 11 (1351) thăng tham-tri chính-sự.

Từ ngày vua Chiêm thành là Chế-Á nạn thăng-hà, con là Chế-Mộ và rể là Bồ-Đề tranh nhau ngôi báu, Chế-Mộ bị dân-chúng rời bỏ để ủng-hộ Bồ Đề, phải chạy sang cầu cứu vua Trần-Giụ-Tôn vào năm Nhâm-Thìn (1352).

Năm sau Quý-tị (1353), vua nhà Trần cho quân đưa Chế-Mộ về nước, nhưng tới Cổ lũy (Quảng-ngãi) gặp quân Chiêm-Thành, hai bên giao chiến, kết cục quân quân ta bị đánh thua phải chạy trở về.

Chế Mộ buồn quá, rồi cũng mất.

Từ đấy quân Chiêm-Thành luôn luôn sang quấy nhiễu.

Được thắng lợi nhiều lần, vua Chiêm thành có ý nhân lúc binh-thế nước Nam suy nhược, sai sứ sang đòi đất Hóa-châu (Vua Chiêm trước là Chế-Mân lấy Huyền Trân Công-chúa (con vua Trần-Anh-Tôn) dâng hai châu Thuận, Hóa làm lễ cưới.

Lại một phen quân Chiêm-thành sang quấy rối đất Hóa-châu. Quan quân ta chống lại không nổi, luôn luôn thất-lợi.

Vua Trần-Giụ-Tôn phải sai Trương-Hán-Siêu lĩnh quân thần-sách vào trấn Hóa-châu để đối-phó với tình-thế, tìm phương giải-cứu cho sinh-linh vùng Hóa-châu.

Hán-Siêu lĩnh mệnh lên đường. Gánh cái trọng-trách Tiễu-phủ-sứ, ông đem hết mưu-lược để quét sạch ngoại-khấu khiến nơi biên-cương lại được thấy cuộc thăng-bình. Nhưng trong khi ở ngoài, ông thường uất uất, không được thỏa chí, nên có thơ rằng:

玉京回首五雲深
Ngọc kinh hồi thủ ngũ vân thâm.

零落殘塊苦不禁
Linh lạc tàn hồn khổ bất cấm!

已辨荒郊埋病骨
Dĩ biện hoang giao mai bệnh cốt,

海天草木共愁吟
Hải thiên thảo mộc cộng sầu ngâm.

Dịch:

Ngảnh lại năm mây phủ đế-đô,
Hồn tàn bao xiết khổ bơ-vơ!
Thôi đành cõi rậm vùi xương bịnh,
Cây cỏ chung sầu cũng hóa thơ!

(Bản dịch của Hoa Bằng)

Năm Thiệu-phong thứ 14 (1354), lấy cớ đau ốm, ông đàng biểu xin về. Vua y cho. Ông lên đường, chưa tới kinh-sư đã mất, được tặng chức Thái-phó.

Trương-Hán-Siêu là một người cốt ngạnh, văn-chương, chính-sự kiêm ưu, được vua tin dùng, thường gọi là « Thầy » chứ không xưng đến tên.

Ông hay bài xích những thói dị đoan, thường soạn văn bia chùa

Quan-nghiêm tỉnh Bắc-giang, đại lược như sau này :

«...*Tự phế nhi hưng, kỳ phi ngô ý ; bi lập nhi khắc, hà sự ngôn ngôn ? Phương kim thánh triều dục sướng hoàng phong dĩ chỉnh đồi tục, dị đoan tại khả truất, vương đạo đương phục hưng. Vi sĩ đại phu giả, phi Nghiêu Thuấn chi đạo bất trần tiền, phi Khổng Mạnh chi đạo bất trước thuật, cố nãi câu câu dữ Phật thị nhiếp nhu, ngô tương thùy khi !...*»

Dịch :

Dựng chùa chẳng có ý gì,
Khắc bia cũng chẳng việc chi đến mình ?
Thánh triều đương buổi văn-minh,
Dị đoan chớ để dân-tình mê say.
Đạo Nghiêu, Thuấn phải bầy cho rõ,
Học Lỗ, Châu đường tỏ không mờ.
Sá gì đạo Phật hư vô,
Dối ai ai đó dễ hà dối ai ?

Trương-Hán-Siêu sinh giữa thời Phật-giáo toàn thịnh, trên từ vua quan, dưới đến thứ dân đều tôn sùng đạo Phật, mà riêng ông cho Phật-giáo là hư vô, là tịch diệt. Xem bài văn bia ở trên thì biết ông chỉ lấy nghĩa Nghiêu, Thuấn, Khổng, Mạnh làm trọng, còn coi Phật-giáo là một đạo dành riêng cho hạng người yếm thế.

Nhưng dù ông có hết sức bài Phật, mà về sau ông cũng quy y hồi hướng, trở nên một nhà Phật-học tinh-thông.

Niên-hiệu Thiệu-phong (1341-1357), đương khi còn tại triều, ông có đề bài ký Linh-tế tháp trên núi Dục-thúy tỉnh Ninh-bình. Bài ký Linh-tế tháp là một áng văn kiệt tác lưu truyền đến ngày nay. Văn đã hay, chữ lại tốt, khắc trên vách đá, nét còn tươi tươi.

Dưới đây xin trích dịch bài ký Linh-tế tháp :

Quê tôi nhiều cảnh đẹp. Thuở nhỏ đi chơi xem, vết chân đã gần khắp mọi nơi. Thường bỗng nhớ lên núi này. Xem Lòng đa bia, gạt rêu xem thì bỗng rằng : Đó là cái tháp cũ dựng từ năm Thiên-Lấy đời Quang-hựu nhà Lý. Leo sườn đá, trèo lên đỉnh núi, thì thấy mấy viên gạch vỡ, cái rồi đổ, lan-lốc trong bụi rậm đá hoang. Tự lấy làm buồn thay mà thở dài, than cái cuộc hưng vong thành bại, mới được hai trăm mấy mươi năm mà đã thành dấu cũ. Hay là từ đây giờ đi một suy mòn mất, hay là sau này có ai sửa lại hay không ? Từ có Trời đất đã có núi này. Biết bao nhiêu người cùng trèo lên đây, cùng trông cảnh này mà cùng mất cả !

Tôi rồi sau đi chơi từ phương, làm quan trong triều cũng có ngôi vị cao, bằng ở tưởng, đến nơi ấn cũ cũng thường một đôi đến, Hoàng-thượng ta lên ngôi được hai năm, bấy giờ về mùa đông, tôi ở kinh thành, ông sư ở chùa núi ấy tên là Trí-Như đến chơi nhà tôi bảo tôi rằng : « Bảo tháp xây lại đã từ năm Khai hựu đinh-sửu, được sáu năm trôi rồi, nay công đã xong, xin ông làm cho bài ký. Công đức nào bằng, báo ứng nào bao !.. » Tôi nói : « Đạo Thích Giáo, Lão-tử lấy cái hư-không làm chủ, cố hoặc chúng sinh. Triều đại chia làm năm phần thì bọn sư-tăng chiếm đến một phần, phá hại dân, hư phí của cải. Trong những bọn ngu dốt, nhơn nhơn mà theo, ít kẻ không phải là phường yêu ma gian-tà. Những việc chúng làm sao có nên ? Tuy nhiên, sư là học trò Phổ-Tuệ. Học được pháp tủy môn Trúc-lâm. Buộc thân khổ hạnh là phạm đạo tam-cương. Nhưng dương tay không mà thành công lớn, mở chân mây xếp lưng đã, từ một tấc đến một thước, từ một thước đến mười thước, một bước lại tiến một bước, một tầng lại thêm một tầng cho đến chót vót cao tít tựa trời xanh, thêm cảnh đẹp ở nơi sông núi, công thật đáng linh cùng tạo vật ! Những bọn sư đông dài lười biếng, là đáng kể ông ra ? Than ôi ! sau này vài ba trăm năm, trông lên trên, nhìn xuống dưới, thấy biến đổi cả, tất lại có người ở đài nhà tôi. Há lại không có ai như bọn sư Như-ru ? Cũng hưa tốt cả. Bây giờ chỉ biết có núi xanh nước trong, sông không bờ bến. Buồn chiều đi thuyền thung-thăng ở đó, mở cửa bồng ngắm cảnh, đánh dịp thuyền thả khúc Thương lang, nhớ đến tích Ngư Tử Lang, Đào-Chu đời xưa. Cảnh này lòng này, duy có ta với núi sông này biết mà thôi.

(*Còn nữa*)

NHẬT-NHAM

Muốn làm giàu mua vé số
Đông Pháp
1p.00 một vé

Nhân một cái quảng cáo...

Hội « Alexandre de Rhodes » sẽ dựa bản « Lục vân Tiên » nào ?

LƯ-KHÊ

L. T. S. — Bài này của ông bạn Lư-Khê, một cây bút có tiếng ở trong Nam, tuy viết từ khi Hội A. D. R. chưa ra cuốn Lục vân Tiên *tập I nên chưa rõ những thủ-tục làm việc phiên-dịch của người dịch* L. V. T. *song tác-giả viết rất công phu và có nhiều tài-liệu rất quí. Vậy xin lục đăng để rộng đường khảo-cứu.*

Một vài tờ báo, vừa rồi, có đăng một cái quảng-cáo của hội xuất bản « *Alexandre de Rhodes* ». Cứ theo quảng-cáo nầy, thì hội « *Alexandre de Rhodes* » sắp phát hành quyển *Lục vân-Tiên* » của cụ Nguyễn-đình-Chiểu, có bản dịch ra pháp-văn của ông giáo Dương-quảng-Hàm.

Tôi chưa được thấy nên chưa được biết hội « *Alexandre de Rhodes* » dựa theo bản « *Lục vân-Tiên* » nào, vì từ trước tới giờ quyển « *Lục vân-Tiên* » đã in ra mấy mươi lần, mà thử hỏi, có mấy bản đáng cho ta tin cậy ?

Bản của hội « *Alexandre de Rhodes* » sẽ là bản in ra sau hết. Tôi tưởng công việc của hội — một hội xuất bản có nhiều tư cách hơn cả — là phải cẩn-thận làm sao cho đúng sát nguyên văn cụ Nguyễn-đình-Chiểu.

Vậy, muốn cho đúng với nguyên-văn, hội sẽ nên dựa ở bản nào ?

Dưới đây là một chút ý-kiến thiển cận để góp vào công việc sưu tầm của các ông trong hội « *Alexandre de Rhodes* ».

Sau khi so sánh cả bản « *Lục-vân-Tiên* » từ trước tới giờ, bản nôm, bản quốc-ngữ, in ở Bắc, in ở Nam, một điều tôi đã nhận thấy : Các bản ở Bắc đối với các bản trong Nam mười phần đã sai lệch chín.

Tôi có thử lấy bản « *Quảng-thịnh* » coi chữa theo bản « *Trương-vĩnh-Ký* ». Chỉ có một trang đầu, hai mươi câu, đã đeo 22 chữ sai chạy ; trang thứ nhì, hai mươi sáu câu, 91 chữ sai chạy. Bản « *Nghiêm Liễn* » (có cụ Nguyễn-văn-Tố đề tựa) gần với bản « *Quảng Thịnh* ». Ta có thể tin cậy bản nầy và mấy bản khác ở Hànội : Tư-văn-Đường, Kim khuê, Long quang...., và ở Hải-phòng : Nguyễn-ngọc-Xuân..., đều do một bản mà ra.

Xét về phương-diện văn-chương, các bản ở Bắc có phần lưu-loát, dễ-dàng hơn nhiều. Lại có nhiều thổ-âm mà người Nam-kỳ không hề biết. Dựa lý đó, ta có thể tin các bản nầy đã có người sửa lại rất nhiều.

Cho nên, nếu muốn cẩn xuất-bản một quyển « *Lục-vân-Tiên* » đúng với nguyên-văn, ta không thể dựa bất cứ một bản nào in ở Bắc. Bởi, ta không phải cần cho văn chương hoa-mỹ hơn, mà chỉ cầu cho đúng với chính-văn, của tiền-bối.

Các bản trong Nam, về bản nôm, đáng chú-ý nhất là bản « *Quảng-thạnh-Nam* » ở Chợ-lớn, đảm-bảo bởi sự trông nom của Tôn-thọ-Tường. Nhưng ta nên đề-dặt. Bởi, cái tài của Tôn thọ-Tường không đủ cho ta tin cậy chắc đúng với nguyên-văn.

Vì nhiều lẽ :

Một là, Tôn-thọ-Tường một nhà nho. Công việc sao-lục có đủ lương-tâm như người Tây-phương, là trọng nguyên-sản của tiền-nhân, dầu hay, dầu dở cũng giữ nguyên hình, các nhà nho ta, nói thật không sợ mích lòng, hay cậy ở tài mình, cho nên chưa đủ đức làm được. Ai dám tin, trong khi sao lục, Tôn-thọ-Tường không chữa lại nhiều chỗ, như người ta đã làm trong các bản ở Bắc.

Hai là, lúc ông Michel Ponchon chánh tham biện Bến-tre, đến viếng cụ Nguyễn-đình-Chiểu, nhờ tiền sinh nhuận-sắc bản « *Lục-vân-Tiên* », ông có trao cho tiền sinh một bản « *Quảng-thạnh-Nam* ». Tiền-sinh có bảo biện Đống đọc cho tiền-sinh chữa lại, rồi ít lâu sau mới trao lại cho ông Ponchon. Như thế, dù biết bản « *Quảng-thạnh-Nam* » không chắc đúng với nguyên-bản cụ Nguyễn-đình-Chiểu.

Các bản quốc-ngữ, xưa nhất có bản của Aubaret (1864) ; Kế đến bản của Janneau, chín năm

sau bản trước (1873) ; bản Abel des Michels (1883), mười năm sau bản Janneau.

Không nói đến bản Abel des Michels, vì ông nầy chỉ dựa ở bản Janneau. Đáng kể là bản Aubaret và Janneau.

Bản Aubaret có in cả bản chữ nôm một bên. Tuy nhiên, ta khó tin đúng được. (1) Vì lẽ này : Bản Aubaret in tại bên Pháp, thấy đề năm 1864 là năm sách ra. Vậy việc sao-lục của ông Aubaret tự-nhiên phải trước năm ấy, mới được. Ta có thể phỏng đoán, công việc của ông Aubaret độ vào năm 1860-1863. Chính thời-kỳ nầy cụ Nguyễn-đình-Chiểu gần được 40 tuổi, và cũng là thời-kỳ Sài-gòn bị binh Pháp đánh nà. Cho nên, lúc đó tiên-sinh không còn ở Gia-định nữa. Ông Aubaret dầu có được bản « *Lục-vân-Tiên* », có lẽ ông cũng chỉ hỏi thăm ở những người có bản chép tay, chớ quyết không phải ông được trực-tiếp với cụ Nguyễn-đình-Chiểu, vì khi ấy cho tới lúc tiếp chuyện với ông Miche Pouchon — là cuộc giao-tiếp lần đầu với người Pháp — tiên-sinh không hề chịu ra mặt với một người Pháp nào.

Còn những bản nôm sao ép tay, người nầy truyền qua người kia, tạm sao thất bản, làm sao ta dám tin ? Bằng cớ là hiện nằm bản nôm sao tây tôi đương có trước mắt, chỉ có tựa sách, ba chữ « *Lục-vân Tiên* » 鬱雲仙 mà chữ « *Lục* » 鬱, có ba bản viết khác nhau : Bản thì viết 鬱 do chữ *lục nga* trong kinh Thi. Bản thì viết « *lục* » 六 là sáu; bản lại viết « *lục* » 陸 lên trên đất, cho nên, ta dùng quá tin cậy các bản chép tay của các cụ đồ nho.

Đến bản ông Janneau (1) Ông nầy, năm 1867, có làm Đốc học trường thông ngôn (collège des interprètes) tại Sài-gòn. Theo lời ông Abel des Michels, (2) năm ấy (1867) ông Janneau có xuất bản ở Sài-gòn bản « *Lục vân Tiên* » thứ nhứt.

Chính lúc nầy ông Trương-vĩnh-Ký cũng đang làm giáo-sư trường Thông-ngôn.

Công-việc sao lục, thế nào ông Janneau cũng nhờ đến ông Trương-vĩnh-Ký, và trong khi sao lục, dễ gì hai ông lại không luận-bàn với nhau về bản của Aubaret, rồi phê-phán, rồi so-sánh, sửa chữa cho được gần với chính-tác cụ Nguyễn-đình-Chiểu.

Rất tiếc, tôi chưa tìm được bản Janneau xuất bản lần thứ nhất tại Sài-gòn. Nhưng theo bản in ở Pháp lần thứ nhì của ông Janneau, đối với bản Aubaret thì thấy có nhiều chỗ dị-đồng, ta chỉ dữ tin công-việc ông Janneau được hoàn-toàn hơn ông Aubaret.

Nhưng hoàn toàn hơn ông Aubaret cũng bản đã chắc đúng với nguyên văn. Vì lúc bấy giờ Nam kỳ gặp-giữ lúc hung-nguy, mà cụ Nguyễn-đình-Chiểu thì đang trốn-tránh ở miền Ba-tri, có biết gì đâu chuyện người ta ân-ẩn đến tác-phẩm của mình.

Vậy, bản nào dễ tin chắc đúng với bản chánh ?

Sau khi so-sánh kỹ, tôi tin chỉ có bản ông Trương-vĩnh-Ký, xuất bản năm 1889 (3), một năm sau khi cụ Nguyễn-đình-Chiểu mất là xứng-đáng và chắc đúng với nguyên văn hơn cả. Vì những lẽ sau nầy :

Trước nhứt, ông Trương-vĩnh-Ký đã được tôn vào hàng danh-nhân của thế-giới. Tiên-sinh nhơ-học đã thông, mà tây học cũng đến bờ bến. Tiên-sinh từng làm bạn với các đại-văn-hào nước Pháp như *Littré*, *Renan* chẳng hạn. Tiên-sinh chắc phải biết cả khảo-sát của văn-sĩ Âu châu.

Lẽ thứ nhì, năm 1867, tiên-sinh cùng làm việc một nơi với ông Janneau. Ông nầy đã hai lần xuất bản truyện « *Lục vân-Tiên* ». Chắc thế nào trước khi xuất-bản, tiên-sinh cũng cân nhắc kỹ-càng, so sánh hai bản đã in trước, hai bản của Janneau và một bản của Abel des Michels. Bằng cớ là bản Abel des Michels in sau bản Janneau (bản nhì) đến cả mười năm, bản của tiên-sinh năm 1889, mà đọc phần nhiều ta thấy bản tiên-sinh giống với bản Janneau hơn với bản Abel des Michels. Như thế dễ thấy tiên-sinh là một người biết xem xét cẩn thận lắm.

Lẽ thứ ba, năm 1888, tác-giả vừa yên, ông Michel Pouchon đến tường-thăm cụ Nguyễn-đình-Chiểu Ba-tri, có nhờ tiên-sinh chữa bản « *Lục vân Tiên* » như tôi đã nói trên. Không rõ tôi sau ông Pouchon làm gì và đem đi đâu bản ấy. Nhưng sau cuộc phỏng-vấn ấy ông Pouchon có viết mấy bài kỹ thuật

(Xem tiếp trang 17)

(1) « *Lục vân Tiên* » *poème populaire annamite traduit par G. Aubaret (capitaine de frégate) Consul de France à Bangkok. Saïgon Paris-Imprimerie Impériale MDCCCLXIV. in 8. pp 98 (Journal asiatique 6e série, tome III Paris 1864*

« *Lục vân Tiên* » *poème populaire annamite, traduit pour la première fois en caractères latins, d'après les textes chinois et caractères démotiques, avec de nombreuses notes explicatives, par Janneau. Ouvrage publié par ordre du contre amiral Dupré Gouverneur et commandant en chef en cochinchine. 2e édition, Paris challamel aîné, in 8 pp. 103 à 3 pe.*

2) *Theo lời tựa ông Trang IV, trong bản « Lục-vân-Tiên » của ông, xuất bản bên Pháp (1883)*

3) « *Lục-vân-Tiên truyện* » *poème populaire annamite traduit en quốc ngữ, précédés d'un résumé analytique du sujet de chacun, par P. J. B. Trương-vĩnh-Ký — Saïgon imprimerie Ang. Bock — 1889, in 12 pp 79 à 1 faille non chiffrée*

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Số 63

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV.— Kim Vân Kiều (*bài nối*)

Quyển *Kiều* của ông Nguyễn-văn-Vĩnh in năm 1920 và 1943, phường-bản của Quan-văn đường, *Kim Vân Kiều chú* (bản sao của Trường Bác-cổ số A B 233) đều viết « Cùng trong một tiếng tơ đồng, Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm ». Kinh bản, tức *Đoạn-trường tân-thanh* của cụ Kiều oánh Mậu, *Vương Kim diễn tự* (bản sao của Bác-cổ, số A B 234) chép là « Cùng chung một tiếng tơ đồng ». Chữ « trong » và chữ « chung » cùng một nghĩa, nhưng câu này dùng chữ « chung » hay hơn, và không điệp với chữ « trong » ở câu dưới.

— Bản quốc-ngữ 1943 (tr. 457), phường bản và *Kim Vân Kiều chú* đều viết « Giọt châu lã chã khôn cầm, Cúi đầu, chàng những gạt thầm giọt sương ». Kinh bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « Hạt châu lã-chã khôn cầm, Cúi đầu, chàng những gạt thầm giọt Tương ». Chữ « giọt » và chữ « hạt » cùng nghĩa, nhưng theo chữ « hạt » thì hơn, vì dưới đã có chữ « giọt ». Còn như chữ « sương » thì nhầm: chính là chữ « Tương » mới phải. Tương là tên núi, do điển vua Thuấn đi tuần phương nam, mất ở quận Thương-ngô, hai con gái vua Nghiêu, tức là vợ vua Thuấn đi đến Tương-sơn, khóc đến nỗi gạt nước mắt vẩy ra cây trúc, làm cho cây trúc hóa từng đám lang-lổ, nên gọi là giọt Tương. Vận Tàu thường dùng chữ Tương-phi, là vợ vua khóc ở núi Tương

— Hai bản quốc-ngữ, phường-bản và *Kim Vân Kiều chú* đều viết « Sinh càng thảm thiết bồi-hồi Vội-vàng gượng nói, gượng cười cho qua ». Kinh bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « Vội vàng nói nói cười cười ho qua ». Thường chữ « gượng nói gượng cười » phải hơn.

— Các bản đều viết « Lòng riêng tấp-tểnh mừng thầm: Vui này đã bõ đau ngầm xưa nay! » Kinh-bản chép « Đêm nay đã bõ đau ngầm lâu nay! »

— Hai bản quốc-ngữ và phường-bản viết là: « Sinh thì gan héo ruột đầy, Nỗi lòng càng nghĩ càng cay đắng lòng ». Kinh bản, *Vương Kim diễn tự* và *Kim Vân Kiều chú* đều chép « Sinh càng gan héo ruột đầy ».

— Bản quốc-ngữ mới (1943, tr. 462) phường-bản và *Kim Vân Kiều chú* chép là « Nhẹ như bấc, nặng như chì, Gỡ ra cho nữa, còn gì là duyên ». Kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « Gỡ cho ra nợ, còn gì là duyên. » Câu này chính chữ « nợ » đối với chữ « duyên » mới phải. Bản quốc-ngữ mới viết là chữ « nữa » thì không có nghĩa. Có lẽ đọc chữ nôm không rành, nên mới đọc ra chữ « nữa », vì hai bản nôm (phường bản và *Kim Vân Kiều chú*) viết chữ « nữ »; theo tiếng nôm đọc là « nữa », là « nợ » cũng được.

— Bản quốc-ngữ cũ (1920, tr. 124) và các bản nôm đều viết « Sớm khuya hầu hạ đài-doanh, Tiểu-thư trông mặt, đề tình hỏi tra ». Kinh bản và quốc ngữ mới (1943 tr. 463) chép là « Tiểu thư chạm mặt đề tình hỏi tra ». Từ câu « Sớm khuya hầu hạ đài doanh » đến câu thứ 14, kinh-bản chép thành 16 câu, khác như sau này:

Sớm khuya hầu hạ đài đình,
Nét sầu khôn gượng lệ tình còn hoen.
Tiểu-thư trông liếc quở liền:
« Sa màng nặng mặt, bởi duyên-cớ gì? »
Bì-t ên giáo lại một khi:
« Cậy chàng hỏi nó rằng vì làm sao? »
Sinh đà ruột xót như bào,
Nói ra chẳng tiện, trông vào chẳng đang.
Quanh-co cùng lọt bò sàng,
Sợ đây thương đó hai đàng chưa xong.
Dưới thềm trên ghế đều trông,
Một lời chưa mở, hai dòng đã sa.
Lấy lòng giả cách hỏi tra,
Thân-cung nàng đã thảo qua một tờ,
Xem rồi đưa lại tiểu thư,
Thoạt trông nhường cũng ngẩn-ngơ chút tình.

Ông Vĩnh cũng có chua 16 câu Kinh-bản, nhưng có chữ đọc khác với đoạn chép trên này, kỳ sau sẽ nói.

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Giá báo

1 năm	20 $ 00
6 tháng	11, 00
3 tháng	6, 00
Mỗi số	0, 50

NAM ĐÀN BÁT CHÂU THI THẢO

Tác-giả TÙNG-VÂN *đạo-nhân*

Vân nguyệt kỳ quan toàn tập bát vịnh

(Thơ soạn)

Lời tiểu-dẫn

Tập này tức là tập « Lục-Vân-tiên truyện » vậy. Vân Tiên, Nguyệt-Nga, đành nhân-vật kỳ. Quản ông, Ngư-phủ, Hán-minh, Tử Trực, Tiểu-đồng, Kim-liên, cũng đều là vẻ kỳ. Đến về phần tác-giả cuốn truyện ấy : truyện thì rất hay, rất có ích, có thú-vị, mà văn-chương thì lại rất giản-dị chất-phác, lại là một vẻ kỳ. Nay vịnh-giả trước hết xin lạm bút đề tập ấy là tập « *Vân-nguyệt kỳ quan* », rồi xin có thơ vịnh nhân-vật trong truyện sáu bài, và vịnh tác-giả truyện ấy hai bài, gồm tám bài.

Thơ đặt như sau :

***

Vịnh Lục Vân-tiên

(Bát vịnh, thứ nhất)

Anh-hùng thay, quân-tử thay, người ấy !
Vai đường-đường ta thấy Tử-Long.
Lục kia so với Triệu cùng :
Càng phong-vũ lắm, càng cống-trận nhiều.
Đầu tang tóc, gươm trêu, ma ốm nhẹo ;
Mũ Kim-Khôi, gươm bạc, ngựa ô ngồi
Ấy ai văn vũ gồm lại ?
« Trai thì trung hiếu » làm trai mới là.

Chú-thích

Vân-tiên = Phép đặt tên trong chữ Hán, thì dụ Vân-tiên với Nguyệt-nga thì chữ *Vân* với chữ *Nguyệt* mới là chính tên, mà chữ *tiên* với chữ *nga* chỉ là tiếng gọi chung, cũng như chữ *khanh* với chữ *nương*, v. v. . .

Tử-Long = nhà Hậu-Hán có vị tướng quan họ Triệu, tên Vân, tự Tử-Long.

***

Vịnh Kiều Nguyệt-nga

(Bát vịnh, thứ hai)

Kim-phượng Ngọc-long, đài xuân ai chực khóa ?
Cảnh Giang-nam xuân cả đó mà !
Hang sâu với cảnh quế hoa,
Nhân-gian vô-ý, tiên nga hữu tình.
Hương hồn ba sinh duy bức tượng,
Phong trần nửa mặt một bài thơ.
Tấm gương thiên-cổ lơ-thơ,
« Gái thì tiết hạnh » hay xưa khác nào.

Chú thích

Kim phượng ngọc long = tên hai cái kiều ở Đồng tước đài. Nguyên đất Giang nam nhà họ Kiều có hai con gái, người đẹp và hay chữ, Tào Thảo muốn bắt về đem khóa ở đài Đồng-tước, song kế ấy không thành. Sự ấy chép tường ở *Tam quốc-chí*. Nay dùng tích ấy, một là để tả về danh-giá con gái họ Kiều trong truyện, hai là để ám-chỉ về một vị thái-sư trong truyện : hành-vi cũng giống như Tào-Thảo.

Hang sâu = thơ Thiệu-Tử : « *Thiên căn nguyệt quật nhân lai vãng, tam thập lục cung đô thị xuân* ». « Quật » nghĩa là hang.

Hang sâu với cảnh quế hoa = quế hoa tức là nguyệt. Ý nói về Vân-tiên đã từng cứu Nguyệt nga thoát khỏi địa ngục Lâu-la.

***

Vịnh Vương tử Trực

(Bát vịnh, thứ ba)

Đầu bảng hổ, họ Vương tên Tử-Trực,
Vì cớ sao chính sắc trách Vũ-công ?
Minh loan khóc bộ cánh lông,
Xóa nhòa cựu nghĩa, gượng gàng tân-lang.
Đạo quân tử, lúc tang-sương chi kể lúc ;
Làng khoa-danh, câu kim-ngọc đề ghi câu :
« Vợ Triệu là Trực thị đâu,
« Chị dâu em bạn hàm đâu lỗi nghĩ ».

Chú thích

Đầu bảng hổ = tức đỗ thủ-khoa ; bảng cử-nhân đằng sau vẽ con hổ, người ta gọi là hổ bảng.

Minh loan = ám-chỉ về cha con nàng Vũ Toái-Loan.

TÙNG-VÂN

BA NGƯỜI THỢ CẦN MẪN

Số 4

LÊ-THANH

Cũng nhờ có cái giọng đặc annam và sự dẫn dị lưu loát của văn chương mà những tiểu-thuyết của tiên-sinh dịch được người ta đọc một cách ham-mê chẳng khác gì những tiểu thuyết sáng tác có giá trị *Mai nương lệ cốt, Ba người ngự lâm pháo thủ, Tế lễ mạc phiêu-lưu ký* v.v... là những công trình vĩ đại viễn được nhập tịch bản văn chương ta chứ không còn là những sách dịch có một công dụng nhất thời như người dịch nó đã tưởng nữa.

Có nhiều nhà phê-bình ngày nay trách rằng văn dịch của tiên-sinh đọc có lưu loát nhưng nhiều khi không đúng nguyên văn chữ pháp. « dịch như vậy là dịch chứ không phải là dịch nữa ».

Tôi tuyệt tưởng đọc những tác-phẩm của tiên sinh ta nên hiểu cái mục-đích của tiên-sinh, thứ nhất là phải có cái quan niệm lịch sử về những văn-dịch của tiên-sinh mới được.

Như tiên-sinh đã nói tiên-sinh dịch lấy ý, không quan tâm đến từng chữ, dịch để cho cả những người có cái trí-thức thấp kém cũng có thể hiểu được. Sau này khi trình độ người minh cao hơn, văn học của mình tiến lên một bực, sẽ có những người dịch lại.

Mục-đích của tiên-sinh là đem những văn-dịch làm phương tiện truyền bá cái tư-tưởng âu-tây và nâng cao trình-độ dân trí.

Ngày nay ngoài cái việc xét lại xem tiên-sinh, trước kia, dịch có đúng và có hay không ta còn phải xem cái mục đích của tiên-sinh có đạt được không. Ta có thể giả lời — không ngần ngại mà không sợ sai lầm — là cái mục đích ấy tiên sinh đã đi đến một cách vẻ vang.

Nói đến cái kết quả của những công việc — dịch thuật và những công việc khác — tiên sinh làm trên dưới ba mươi năm trong phạm vi văn-chương và tư tưởng, tức là nói đến cái công của tiên sinh trong việc gây dựng nền quốc văn của ta trong cái buổi mà quốc văn ta, thứ nhất là ở ngoài Bắc, chưa có cái hình thù gì cả.

Tiên-sinh là một người quan hệ trong nhóm người gây cái phong-trào quốc-văn. Trong khi phần đông còn đang ngơ ngác chưa biết hướng cuộc đời tinh thần của mình về phương nào, tiên sinh đã gọi dật lại đặt vào tay mỗi người một cái tạp-chí mấy quyển sách quốc-ngữ. Chỉ có cái tạp-chí ấy và những quyển sách ấy mà làm cho nhiều người yêu quốc văn, gây thành cái phong trào quốc văn ngày nay nay còn đang bồng bột.

Thành ra lịch-sử văn học của mình đã được bép một điều khá ly-kỳ là một phần nhà văn ngày nay không phải như những nhà văn nước khác, đã từng học những trường cao đẳng, được luyện cái tài mình dưới sự chỉ dẫn của những người chuyên môn, mà chỉ là học trò của tử xứ xuất thân ở cái *trường* Đông dương tạp chí

Dưới đây là vài thí dụ :

Khi Nguyễn văn-Vĩnh qua đời một người « học trò » của tiên-sinh, lúc bấy giờ đã ra đứng chủ trương mở cơ quan văn học viết :

« Ôi ! bao giờ tôi quên cho được ông thầy học trác thức của tôi ở cái *trường* « Đông-dương tạp-chí » nó đã đào tạo tôi và các bạn tôi... thành những người yêu chuộng quốc-văn, để mỗi người ở phương-diện riêng của mình, hiện nay đang ra công trau giồi cho ngày thêm tốt đẹp cái tiếng mẹ đẻ mà ông đã đắp móng xây nền.

« Tôi còn nhớ như mới ngày hôm qua, những buổi mấy anh em bạn nhỏ, anh lớn nhất chưa đầy 12 tuổi, cùng nhau chúm đầu đọc không biết chán những *Thơ ngụ ngôn*, những *Chuyện trẻ em*, chuyện *Gil-blas de Santillane*, và kịch *Trưởng giả học làm sang* của ông Vĩnh dịch, mà chúng tôi khi ấy chỉ biết là hay lắm, vui lắm... » (1)

Hồi năm ngoái trong một cuộc « phỏng vấn » nhà văn Tam-lang, nhân hỏi về sự đào tạo, tôi cũng được nhà văn này cho biết rằng khi ông đi học, rất trễnh mảng những môn tính đố, khoa học; chỉ để thì giờ phiêu lưu với chàng Lỗ-bình-Sơn, Gu-ba-la trong những sách do Nguyễn văn-Vĩnh dịch... và :

« Tôi ngồi học, — ông nói — miệng kêu nước quốc kêu hề nhưng

mặt không thể rời bỏ được tập Đông dương tạp chí dấu dưới quyển vở của mình.

« Tôi « học, học mãi trong cái trường Đông dương tạp chí ấy» kết quả sự học của tôi là ở trường thầy giáo cho làm luận quốc-văn kể chuyện một cuộc đi chơi ngày chủ nhật mà tôi làm thành một bài văn giải ngót mười trang giấy ! » (2)

Thái-phỉ, Tam-lang, Nguyễn công-Hoan, Vũ đình-Long và còn bao nhiêu nhà phê bình, nhà tiểu thuyết, nhà viết kịch khác ngày nay đang làm việc cho quốc văn, cùng « xuất thân » ở cái trường mà Nguyễn văn-Vĩnh là hiệu trưởng ấy.

***

Ô. PHẠM-QUỲNH

Ông Phạm Quỳnh sinh năm 1892 tại Hà-nội quán làng Thượng-hồng, Phủ Bình, tỉnh Hảidương. Năm 1908, khi ông mới 16 tuổi đã tốt nghiệp trường Thông ngôn cũ, vào làm việc tại Trường bác cổ Hànội. Ở đấy ông có đủ sách vở và thì giờ để tự-học.

Năm 1917 thôi ở trường Bác-cổ sáng lập tạp-chí Nam-phong và từ đấy chuyên việc viết báo và làm sách.

Năm 1922, ông được cử sang Pháp dự cuộc đấu xảo thuộc địa Nhân dịp ấy ông diễn thuyết nhiều lần ở những học-viện có tiếng ở Paris.

(Còn nữa)

LÊ THANH

(1) *Thái-phỉ : Tia Văn số 18 ngày 30 - 5 - 1936.*

(2) *« Cuộc phỏng vấn các nhà văn » của Lê-Thanh.*

...Lục vân Tiên nào ?

(Tiếp theo trang 13)

trên báo *Indépendant de Saigon* » (1) có mấy lời phàn nàn những chỗ sai lạc của các bản in ra từ trước.

Lúc bây giờ ông Trương vĩnh-Ký đương ở tại Sài-gòn. Sau khi tiên sinh cũng đọc báo ấy và lợi-dụng ý kiến ông M Ponchon trong khi biên-soạn

Huống chi, năm 1886, tiên-sinh có cắt nghĩa truyện « *Lục-vân-Tiên* » cho người Pháp nghe tại trường Hậu-bổ Sài-gòn (Ecole des Administrateurs stagiaires). Không chừng tiên sinh cũng có hỏi ông Ponchon bản duyệt-chính vừa nói trên.

Còn một lẽ thứ tư càng vững-vàng hơn cả. Là trước mấy ngày phát-hành truyện « *Lục vân-Tiên* » ông Trương-vĩnh Ký có mấy lời quảng-cáo trong báo « *Miscellanées* » số 5, tháng Septembre, 1889, cho quyển sách tiên-sinh thế này :

CHO HAY.

« Nay thơ « *Lục vân-Tiên* » in cũng đã gần rồi, in rồi sẽ phát khách trại nhà in A Bock, tại phố bán sách cùng tại nhà chủ đấng làm mà in ra nữa Bao nhỏ bán rẻ tiền cho người ta mua ma coi, chính câu chính chữ lại không sai chạy (*sic*) nguyên bổn. » (2)

Ta nên để ý, năm 1889, ông Trương-vĩnh-Ký đã 53 tuổi. Tài năng, tiếng-tăm và tuổi-tác của tiên sinh có thể đảm bảo đủ cho ta tin. Những lời : « *chính câu chính chữ lại không sai chạy nguyên-bổn* » của tiên sinh không phải là lời nói khinh thường được.

Vả lại, cứ xem lại bản « *Lục vân Tiên* » của tiên-sinh in ra, từ hình-thức đến nội-dung, ta có thể hoàn-toàn tin-nhiệm. Tiên-sinh chia ra từng đoạn, tóm tắt đại ý của mỗi đoạn ; chữ quốc ngữ, từng dấu hỏi, ngã đều xin đúng. Thật là một cách làm việc rất có phương-pháp khoa-học theo người Tây phương : kỹ lưỡng và rõ-ràng.

Thế nên, nếu mà có một bản « *Lục-vân Tiên* » đúng với nguyên-văn cụ Nguyễn-đình-Chiểu trước sau lại bỉ hiện tin cậy bản của ông Trương vĩnh Ký mà thôi.

LƯ KHÊ

1) *L'Indépendant de Saigon » no 172 — 8 Novembre 1888*

2) « Miscellanées » ou *Lectures instructives pour les élèves des écoles primaires, communales, cantonales et les familles — phải P.J.B Trương vĩnh - Ký. (no 5. septembre 1889, année)*

ĐÃ CÓ BÁN

HOA MỘNG

của *TƯỜNG VÂN*

1) *Thơ làm* (có nhiều bài đặc-sắc, hoa, tình, tứ kiểu v.v)

2) *Thơ dịch* (có mấy bài dịch thơ văn bằng bài lòng rất tốt)

3) *Thơ dịch Pháp văn* (lựa những bài tuyệt-tác của *Lamartine Victor Hugo, Alf de Musset Baudelaire, Verlaine S. Prud'homme, Régnier, Maeterlinck, Clesse de Noailles*, v.v.

Ông Nguyễn triệu-Luật riêng chú ý đến phần này mới khen dịch-giả (xem *Tao Đàn* số 13 1939) có tài vi-hoa văn-chương Pháp như bà Nguyễn-Đức Chính (*Alfh Chính-phụ-Ngâm*) có tài việt hoá và tương Tiu

Ai muốn xem bài nầy xin gửi tem 0$10 cho Kiosque Thanh Tao-Vinh.

Hỏi « Hoa-Mộng » ở các hiệu sách lớn.

Khảo về văn mới...

(Tiếp theo trang 7)

cảnh phồng, giả cách làm kế lâu dài, giặc mọi sợ, đến của quân xin bằng Cư-Trinh vỗ về, rồi lại cho dân về đấy đến khi tin thắng trận về đến tai chúa Nguyễn, chúa lấy làm khen ngợi.... Sau Cư-Trinh làm tham-mưu đi đánh Chân-lạp, mở rộng cõi đất phía nam, đều là công của Cư-trinh. Đến năm Ất-dậu (1765) chúa Duệ-tông (Nguyễn-Phúc Thuần) nối ngôi, quyền thần là Trương-Phúc-Loan ỷ thế cậy quyền, thường vời các quan đến nhà làm việc. Cư Trinh chính sắc nói rằng: « Chốn triều-đình bàn việc, đã có định chế, Phúc-Loan sao dám vô lễ như thế, sắp muốn chuyên quyền chăng? Trong nước sinh loạn, tất là người ấy ». Các quan không ai dám đến nhà riêng Phúc-Loan, Loan căm giận lắm, nhưng vẫn e sợ, không dám làm gì. Đến mùa hạ năm Đinh-hợi (1767) Cư-Trinh mất, thọ 52 tuổi, truy tặng tả lý công-thần. Đến đời Minh-mạng (1839) truy tặng Khai-quốc công-thần Vinh-lộc đại-phu Hiệp-biện đại-học sĩ, phong Tân-minh hầu, cho tông tự thái miếu (*Đại-nam liệt truyện, tiền biên*, q. 5, lược thuật từ tờ 5 a đến 11 a).

Lại một truyện nữa cũng về thế-kỷ 18, là *Hoài-Nam khúc* của Hoàng-Quang. Quang là người huyện Hương-trà, phủ Thừa-thiên, thông minh có khí độ, lúc nhỏ chịu khó học, nghĩa lý rộng suốt, giỏi văn-chương, sở trường về quốc-âm. Tây-sơn Nguyễn-Huệ biết tiếng ông, bổ cho chức quan, ông không đến. Sau ông thấy chính-sự của Tây-sơn độc dữ, lòng dân nhớ cũ, ông mới làm một bài gọi là *Hoài-Nam khúc*, trên thì kể công đức chúa Nguyễn khai thác khó nhọc, ân trạch khắp ra dân gian, dưới thì kể tội quyền-thần, sinh ra giặc-giã, lời rất bi-ai hùng-tráng, người đời truyền tụng. Thái-trưởng công-chúa là Ngọc-Huyên được khúc ấy, sai người đem vào kinh Gia-định dâng Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh (tức vua Gia-long). Chúa Nguyễn ban cho trung-quân để hát, ai nghe cũng rỏ nước mắt. Đến mùa hạ năm tân-dậu (1801) Chúa Nguyễn lấy lại được Phú-Luân, lúc ấy Hoàng-Quang đã mất, bèn vời con là Hoán, bổ vào viện Hàn-lâm, dần dần làm đến Lại-bộ Hữu tham-tri. (*Đại nam liệt truyện, tiền biên*, q. 6, tờ 22 a và 22 b).

Đến bài *Hồi-loan cửu-khúc ca* thuộc vào giữa thế-kỷ 18 và 19. Tương truyền của Đặng-Đức-Siêu (1751-1810) soạn ra.

Siêu người Bồng-sơn, Bình-định, đời đời làm nghề nho-y, lúc nhỏ trọ học Tràng-an, ngụ ở xã Xước-dụ, huyện Hương-trà, lấy họ Nguyễn làm vợ, nhân làm nhà ở đấy. Năm 16 tuổi, đỗ kỳ thi hương. Trong đời Duệ-tông (1765-1777) làm quan đến chức Hàn-lâm. Năm 1774 quân Trịnh nam-xâm. Đức-Siêu lánh ở Long-hồ, dạy học-trò... Họ Trịnh vời không đến, Tây-sơn cho chức quan cũng không nhận. Chúa Gia-long đóng ở Gia-định, sai người đến triệu, nhưng vì đường xá khó khăn, không đến nơi được. Đến mùa đông năm Mậu-ngọ (1798) đáp thuyền vào Nam, do Nguyễn-văn-Nhân dẫn vào yết kiến, dâng mưu kế bình Tây-sơn. Chúa Gia-long khen ngợi, nói rằng: « Ta mong nhà ngươi đã lâu lắm, sao nhà ngươi đến chậm vậy? » rồi bổ chức Giám-quân. Siêu từ chối là đến sau, sợ chưa hợp nhân-tình, lại xin nhận chức Hàn-lâm như cũ. Chúa truyền rằng: Chức Hàn lâm trật bấy còn thấp, khó làm việc, bổ chức Trung-đình tham-mưu ngày đêm hầu cận ở bên giường màn. Chúa Nguyễn càng ngày càng yêu mến. Siêu tự cho thô là vua sáng tỏ hiền-gặp nhau, bèn giải hết những điều mình biết. Năm 1799 theo Chúa Gia-long lấy lại thành Qui-nhơn, đổi tên Bình-định. Năm 1801, Chúa Gia-long lấy lại được Phú-xuân, Quảng-Toản chạy ra Bắc, mùa đông năm ấy (1801) thăng bộ Lễ Siêu cố từ không được năm Nhâm-tuất (1802) bàn về việc ra đánh ngoài Bắc, Siêu và Trần-văn-Trạc tâu rằng: « Nhà Lê từ khi vua Chiêu-thống sang Tàu, không trở về, đất Bắc-hà đã về Tây-sơn chiếm được. Huống chi từ khi nhà vua lấy lại Phú-xuân, thần-dân nhà Lê không có một người nào ứng nghĩa để đánh giặc, thế đủ biết là nhà Lê không trung-hưng được nữa. Nay ta đánh Tây-sơn, lấy lại cõi đất, thế là lấy của Tây-sơn, không phải lấy của nhà Lê. Về việc ấy, sau khi dẹp yên, sẽ xử-trí. Duy có việc điếu phạt (thương dân đánh kẻ có tội), quý hồ có tên, thì những quân ứng thuận (ứng lẽ giời, thuận lòng người) tự nhiên cách chính (bỏ chỗ tối theo về lẽ chính). Nay đánh Bắc-hà mà còn dùng niên-hiệu nhà Lê, sợ người Bắc-hà, bảo mình là mượn cớ phò Lê... Chi bằng chính ngôi vua, đổi niên-hiệu, tuyên đại-nghĩa cho thiên-hạ đều biết, được nước là chính, không

ai dị nghị). Chúa Gia-long cho là phải, lấy năm ấy gọi là Gia-long nguyên niên, đem việc đi đánh Bắc-hà, bả cáo trong ngoài. Năm ấy thiên hạ đại-định, lại bả cáo về việc vũ thành (việc vũ đã xong). Tương truyền bài *ca Hồi-loan cửu khúc*, là Đặng-đức-Siêu soạn ra, dùng tiếng quốc-âm, nay những ca-ông ở Thanh, Nghệ, vẫn còn truyền tụng.

Lúc bấy giờ những tế lễ giao miếu xã tắc, hết thảy mới cải Siêu là người am thông việc cũ cho nên những lễ lớn ở triều-đình phần nhiều soạn định, vua rất kính trọng. Năm Gia-long thứ 2 (1803) gặp lễ sách phong Tổng-phi làm Vương-hậu, Siêu sung chức « Phủng sách » (bưng sách phong). Năm Gia-long thứ 4 (1805) sung chức Hoàng-tử phụ đạo, vua Minh-mạng có đức thánh thần, phần nhiều công ông giúp lắm. Năm Gia-long thứ 8 (1809) mới đặt ra lục Bộ thượng-thư, Siêu được làm thượng-thư bộ Lễ. Đến năm Gia-long (1810) mất tại chức quan, thọ 60 tuổi, truy tặng Tham-chính, ban cho gấm vóc để khâm liệm và cấp mộ phu trông nom. Đến năm Minh-mạng thứ 6 (1825) truy tặng thiếu-sư Hiệp-biện đại-học-sĩ. Anh là Đặng-đức-Huy cũng là người hiếu học, giỏi thơ quốc-âm, (lược theo *Đại-nam liệt-truyện sơ tập* q. 10, tờ 3 a đến 9 b).

Cuối thế kỷ 18, đầu thế-kỷ 19, có quyển *Đại-Việt thủy lục trình, ký* bằng quốc-âm của Trần-công-Hiến, Hiến là người huyện Chương-nghĩa, tỉnh Quảng-nghĩa, có khí tiết, lúc nhỏ đi học chữ nho, nhà nghèo, cha mất sớm, thờ mẹ rất có hiếu, trong đời Tây-sơn, Hiến thường đi lại các miền rừng ở Bình-hòa, Bình-thuận, Phú-yên và Qui-nhơn, mộ nghĩa-binh chiêu dụ các man mọi, sau bị Nguyễn-Nhạc truy nã, mộ binh phải giải tán. Năm 1793, yết kiến chúa Gia-long ở hành-tại Thi-nại, mật tâu mưu kế đánh giặc, và xin về nội ứng. Chúa Nguyễn y cho, sau theo chúa Gia-long đánh giặc, nhiều trận có công lao. Năm 1802, Nguyễn-quang-Toản đem quân vào cướp, vua Gia-long thân hành đón đánh, Trần-công-Hiến đem quân thủy đánh giặc, bắt sống được thượng thư của giặc là Nguyễn-thế-Trực và quân giặc rất nhiều. Tháng 5 năm ấy vua Gia-long đem đại-binh ra lấy Bắc-hà, Công Hiến theo Nguyễn-văn-Trương tiến đánh Nghệ-an và Sơn-nam hạ đều hạ được. Khi vua đến thành Thăng-long, cho Công Hiến lấy bản-chức (tham-quân) làm trấn-thủ Hải-dương. Năm 1803 thăng Chưởng-cơ vẫn giữ trấn Hải dương. Hiến ở trấn, chiêu-dụ lưu-dân, đánh dẹp các trộm giặc. Năm 1809, có tang mẹ, về dinh tang, hết tang lại khởi phục làm trấn-thủ Hải dương, gặp năm bão lụt kém đói, ông lập Chẩn tế đường ở cửa trấn dân nghèo đến ăn, được nhờ ông mà sống rất nhiều, những nơi bị hại, cho vay lúa giống đến mùa gặt hái lại giả. Hai huyện Vĩnh lại Tứ-kỳ đất gần nước mặn, khó cấy trồng, ông sức dân đắp đập ngăn nước mặn, ngay bấy giờ được hơn tám nghìn mẫu cấy chiêm, nhân dân tiện-lợi, gọi là « Trần công yên » đập của ông Trần, đến năm đinh-sửu (1817) mất tại chức quan.

Hiến làm quan thanh liêm bình dị, thường giải được những án bị oan, tính hiếu học, mỗi khi đi qua đường bể đường

TỦ SÁCH NGÀY MỚI
ĐẠI HỌC THƯ XÃ trình bày:
Đã phát hành: VĂN-HỌC và TRIẾT-LUẬN
bà Mộng-Sơn viết qua thực-trạng của xã-hội Việt Nam tác-giả phê-bình và nghiên-cứu về phụ-nữ tiểu-thuyết, thi-ca, kịch-bản, giáo-dục, lịch sử, diễn-văn, Văn-phạm, triết-học, kinh-tế, trong tác-phẩm của những nhà văn: Vũ trọng Phụng, Lan Khai, Anh thơ, hồ Dzếnh, Đạm Phương, C.K. Sơn, P.V. huệ, Lê, Du, hoàng-ngọc Phách, Trần trọng Kim, Phạm duy Kiên, Bùi Kỷ, Đoàn phú tứ, Nguyễn Hương Ngọc, Nguyễn xuân Sanh, Phạm văn hạnh, hay Cận Ngô tất ố. Giá 2$50
SẮP XUẤT BẢN:
KHỔNG GIÁO VỚI ÔNG ĐÀO DUY ANH
nghiên-cứu của Vũ văn uyên Diễm.
VĂN CHƯƠNG VÀ XÃ-HỘI nghiên-cứu của Lương đức Thiệp
VỀ VÀ SỐNG của Nguyễn xuân Hãy
CÒN MỘT ÍT:
MẸ ÔI gia đình tiểu thuyết của Nguyễn khắc Mẫn Giá 3$50
ĐẠI-HỌC THƯ-XÃ
181 Henri d'Orléans Hanoi Giám Đốc: LÊ MỘNG CẦU

bộ nào đều có chép cả, nhân khi thong thả, đem những giấy tờ đã chép ấy diễn thành quốc-âm, tên là *Đại-Việt thủy lục trình ký*. Lại sức các phủ, huyện, chép những tên núi sông, phong vật, thổ ngơi, và kỹ-nghệ từ dân gọi là *Hải-dương phong vật ký*. (Lược theo *Đại nam liệt truyện sơ tập*, q. 16, tờ 18 a đến 22 b).

Còn truyện *Kim-vân-Kiều* cũng về đầu thế-kỷ 19, nhưng truyện *Kiều* và Nguyễn Du, ai cũng biết, không phải nói lại làm gì.

Lại một bài phú bằng quốc-âm của Đặng-trần-Thường. Thường là võ-tướng của vua Gia long, quốc dân ta còn truyền-tụng « Tán-lý Thường » nhưng ít người thuộc được lý-lịch của Thường nên lược-thuật đôi này: Thường là người huyện Chương đức, trấn Sơn-nam, học rộng, có tài, đỗ sinh đồ, hồi cuối Lê, đến khi Tây-sơn chiếm cứ Bắc-hà, các quan nhà Lê phần nhiều theo Tây-sơn, nguyên Thường có quen Ngô-thời-Nhậm ở Thanh-oai, Nhậm lúc ấy làm Binh bộ thượng thư triều Tây-sơn, Thường đến chơi, bàn đến thế-sự, Nhậm nói rằng: « Người quân-tử phải cốt thông biến mới làm được công-nghiệp, nếu cứ khư khư thì có ích gì? » vừa nói vừa có ý khinh dể Thường. Thường đứng phắt dậy về, bảo người nhà rằng: « Ta phải giết cho chết thằng giặc ấy », từ lúc ấy Thường mới có chí đánh dông dẹp bắc. Năm 1793 gặp Nguyễn-đình-Đắc từ Gia-định đến chiêu-dụ, Thường cùng Nguyễn-bá-Suyền vượt bể vào Nam, đến Diên-khánh vào yết-kiến Đông-cung-Cảnh, vái rồi nói rằng: « Chưa ra mắt quân vương, chưa dám lạy », Đông-cung cười, ban cho của cải rất nhiều. Năm 1794, đến cửa bể Cần-giờ, sai người dâng biểu để tiến thân, vua Gia-long xem, lấy làm kỳ dị, giục cho vào yết kiến, đến khi vào, ứng đối đều hợp ý. Vua ban cho ba trăm quan tiền, một trăm vuông gạo. Thường được vua yêu dùng, lại càng cố sức: từ khi làm chức tán-lý binh vụ cho đến khi lĩnh binh bộ lưu-thủ Bắc-thành, nhiều trận có công lao khó nhọc. Mùa xuân năm 1803 thượng-thư của Tây-sơn là Ngô-thời-Nhậm, Phan-huy-Ích và Nguyễn-gia-Phan ra thú, gải về kinh, Triều-đình bàn, đem ra văn-miếu đánh rồi tha, lúc ấy ba người cùng bị đánh, mà một mình Ngô-thời-Nhậm bị bánh dau chết, là Đặng-trần-Thường mưu sử đó. Năm 1808, Thường làm Tổng-lý Bắc-thành đề-chính, năm 1809, triệu về kinh, thăng Binh-bộ thượng-thư, lại sai ra quản lĩnh Bắc-thành binh-tào Đến mùa đông năm 1810, triệu về làm quan tại kinh. Thường và Lê-Chất vốn hiềm khích nhau, khi Lê Chất được phong quận-công, Thường nói chuyện với người ta rằng: « Chất mà được quận-công, thì chúng tôi đáng làm mười quận-công », Chất nghe lấy làm căm giận lắm. Đến khi Lê-Chất ra trấn Bắc-thành, nghe được chuyện trước kia Đặng-trần-Thường khai thần sắc có ẩn-nặc về tội nam xâm của Hoàng-ngũ-Phúc, cho hỗn nhập tự-điền, lại đem người thân-thuộc khai giản là Phúc-thần, cùng với tham-tri bộ Lễ là Nguyễn-gia-Cát đồng đẳng mạo cấp phong sắc. Chất đem chuyện ấy tâu vua, hường dâng sớ xin thú tội. Vua truyền rằng: « Các ngươi lừa người khinh thần, việc ấy mà còn

ĐÃ CÓ BÁN

Khảo cứu về tiếng Việt-nam	của Trà-Ngân	*Giá : 2$50*
BƯỚC ĐƯỜNG MỚI	Truyện dài lý-tưởng của Dương-Ngà	— *3, 00*
KIM-TỰ-THÁP	của Phan-Quang-Định	— *2, 00*
NỬA ĐEM	Truyện thôn quê của Nam-Cao	— *2, 00*
MỘT MỐI TÌNH	của Phạm-Huy-Toại	— *3, 00*
GIẤC MƠ PHỐ MÃ	Sách Hoa-Mai của Vi-Hồ	— *0, 20*
PHÁCH BƯỚM HỒN HOA	Sách hoa-Mai của Thế-hương	— *0, 30*
BẢY BÔNG LÚA LÉP	Sách Hoa-Mai của Nam-Cao	— *0, 50*
HƯNG-ĐẠO-VƯƠNG	Sách Hoa-Mai của Tiêu-Lang	— *0, 50*

NHÀ XUẤT-BẢN CỘNG-LỰC

N° 9 Rue Takou — Hanoi

nhẫn tâm làm, thì việc gì là không nhẫn tâm » giao tự đều đình kết tội, Thường và Gia-Cát đều tội « trảm giam hậu », rồi được tha, ở kinh. Chất lại nói Thường ở Bắc-thành làm nhiều điều bất pháp, nào ức chiếm đầm, ao, ẩn nặc đinh, điền, thuế đệ, xin bắt ngay đồ trị tội đại bị kết án tội « tử ». Khi Thường ở trong ngục, rượu say nói càn, Thường làm bài phú bằng quốc âm, gọi là *Vương tôn phú* vì với Hàn-Dĩ, lời lẽ trong bài có ý oán trách, Triều-đình xét tội đáng giết. Năm Bính-tý (1846) chất tội giảo (thắt cổ) tịch ký gia sản. (*Lược thuật đại-nam liệt-truyện, sơ tập*, từ tờ 15 a đến 21 a).

Đến bài *Hạnh-Thục ca* của bà Lê-tân Nguyễn-nhược thị Bích, trước đã đăng vào số 112 hay không phải nhắc lại.

Đến quyển *Thi kinh quốc-âm* của Tùng-thiện quận-vương Miên-Thẩm (1819—1870). Ông là con thứ 10 vua Minh-mạng, có tiếng về nghề thơ đời bấy giờ ông đặt hiệu là Thương-sơn, cho nên những sách của ông soạn thuật, có những tên *Thương sơn thi-tập*, *Thương-sơn thi-thoại*, *Thương-sơn từ tập* v. v. cộng 14 tập, trong 14 tập ấy có một tập quốc âm là quyển *Kinh Thi* ông lại xuất bản hộ các bạn hữu ông 1 tập. Xưa nay ta vẫn biết Tùng-thiện quận-vương là người học rộng tài hay, nhưng không ai để ý đến tập quốc âm của ông (*Đ. n. l. tr.*, sơ tập, q. 5, tờ 26 b 31 a).

Đến Đặng Huy Trứ, người huyện Quảng-điền, Thừa-thiên, cha là Đặng văn Giản đỗ năm kỉ mão tú-tài. Huy-Trứ là người thông minh, đỗ hương cống khoa quý-mão (1843) năm sau thi Hội được trúng cách, đến khi vào đến thi đình, dùng chữ bất cẩn, bị truất mất cả hương cống; đến khoa đinh mùi (1847) lại đi thi đỗ hương cống, năm 1848 bổ tri-huyện, dần dần thăng tri-phủ, có tiếng chính sự giỏi, được thăng giám sát ngự sử rồi thăng phương ẩn. Lúc ấy có thủy sư tham tri Nguyễn-Lượng là người cùng làng, những nhiều binh lính, bắt lấy gỗ cây, Huy Trứ đáng sở hạch tội, cố thực trạng, Trứ được thăng Hồng-lô tự-khanh lĩnh Quảng-nam bố-chính, làm quan ba năm, xin lập nghiệp nộ để thu thuế, lại xin các xã dân lập nghĩa-chẩng (ngồi mộ người có nghĩa). Vua y cho, năm 1868, đổi về Biện lý bộ Hộ, ông xin đặt ty Bình-chuẩn, vua nói rằng: Nghề buôn bán là nghề ngoài mà lợi nước, nhân dân Phàm những việc lớn ở triều đình trong có chỉ tiết nhiều ấy phải am hiểu tình hình ở địa phương và xem được dễ lại thế nào, rồi hãy bàn, thì mới làm nổi. Vua nghe theo sai ông lĩnh chức ấy, trước đi ở xứ ở ngoài bể để xem xét trù tính, rồi ông làm tạo nhất tiền công, bị giáng phạt trước tác sung chức Bang biện Ninh thái, để bổ thị ông, đến năm 1874 mất tại nhà trọ ở Hànội. Ông là người khẳng khái có chí lớn, cho nên ông mất, nhiều người thương tiếc. Hôm ông mất có di chúc quyền táng ở đất Hà, sau quan tỉnh Hà-nội tâu vua, vua truyền rằng « Trứ là người có học vấn, không phải là vô dụng » ban cho một trăm quan tiền và cho các quan tỉnh đưa về nguyên quán.

Bình sinh ông trước thuật thì nhiều sách, nhưng sách quốc âm thì có quyển *Thánh huấn diễn âm* và quyển *Ngũ giới diễn ca* (*Lược theo Đại-nam liệt truyện chính tập*, q. 30, tờ 5a và 6 a).

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN N

HÃY ĐỌC

NHỮNG SỰ GẶP GỠ CỦA

ĐÔNG PHƯƠNG VÀ TÂY PHƯƠNG

của *Giáo sư VŨ BỘI LIỆU*

Một thiên khảo-cứu công phu — một câu chuyện văn chương đầy rẫy những lời nhận xét độc đáo và thú vị — Một quyển sách phân tích và đối chiếu những cái hay, những cái tài tình của ngôn ngữ Việt-nam, và cho ta rất nhiều tin tưởng về tương lai văn chương đất nước.

Sách dày 300 trang *Giá 6$00*

Nhà xuất bản TÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

Khiến nhân tổng An-Tư công-chúa vu Thoát-Hoan, đạc thư quốc nan dã.
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫu thân

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Số 8

Các cụ dần dần tới cả người thì đầu tóc bạc phơ, người thì hoa râm lốm đốm, ai nấy đều mặc những quần áo mới, hoặc, sắm lấy, hoặc dân làng sắm cho. Họ từ những hang cùng ngõ hẻm, từ những xóm lẻ, núi đồi ở khắp các đường các ngả đi lại, gần thì đi bộ, già quá thì trống gậy trúc xa thì đi thuyền, đi ngựa hay đi cáng, người nào cũng có dắt dình hay con cháu cắp tráp mang điếu theo hầu. Mặt người nào cũng nghiêm trang, vì tuổi cao cũng có, nhưng vì sứ-mệnh lớn lao mà họ mang trên vai già yếu thì nhiều.

Tất cả 300 cụ hơi ngơ ngác vì cảnh sa-lệ của thư đô và vẻ lịch sự của khách kinh kỳ. Nhưng họ đã được những người này, chào đón bằng nét mặt đầy cảm-tình, bằng những cử chỉ thân ái, bằng những câu cười tiếng nói mềm nở, bằng khóe mắt thân mật, người ta kiễng chân giơ tay. Trong những tiếng ồn ào, thường luôn luôn tung ra một điệp khúc rất quen.

— Các cụ xin đánh cả nhé. Xin đánh.

Các cụ gật đầu, miệng nở một nụ cười đồng điệu, họ không ngờ tình tình của những người xa cách hàng bao nhiêu quan san lại có chỗ giống nhau đến thế.

Các cụ đã tiến vào trong điện Diên-hồng, một ngôi nhà uy nghiêm rộng rãi mà nhà vua dùng làm sở tiếp các Đại biểu tôn kính của dân gian. Thềm rồng cột lía lần đầu tiên chào đón kẻ quê mùa; chốn sân lạn huy hoàng phản ánh những nét mặt sạm phong trần bày nên một cảnh tượng kỳ thú. Một bữa tiệc đế-vương đọn thết các vị Chủ tôn sùng tất cả danh công cự khanh thân ngồi bồi tiếp Thiên-tử, đại gia và bình dân ôn tồn trò chuyện, thân hơn một bữa ăn trong gia đình. Vua hỏi tuổi, hỏi gia thế, con cháu mọc người, cả việc làm ăn, ruộng nương chợ búa, cười nói tự nhiên; lần đầu tiên ngài được thỏa cái tình thân thân dân của mình.

Đối với các bô lão, thì đây là một vinh dự hãm hữu mà phần lớn quan liêu cũng không bao giờ được hưởng. Họ đăm đăm chờ đợi câu hỏi chính của nhà vua. Mãi đến khi tiệc lớn đã tàn, mọi người đang uống nước ăn trầu, vua mới đứng lên, nói rõ về sự uy hiếp của quân Mông, sức mạnh và tài chính chiến của họ cùng tả những nỗi nhục mà Triều-đình phải chịu đựng, phác qua tình cảnh non sông, cùng cái thế khiến cho mình do dự và tiếp:

— Nay quốc gia nguy ngập, trẫm và Triều đình không quyết nổi, vì quốc gia là của chung, nên trẫm phải triệu liệt vị vào đây để hỏi ý. Thế của ta nay chỉ có hai cách: cho nó mượn đường hay đánh lại, xin liệt vị chỉ giáo cho.

Tiếng đáp đã sẵn sàng ngay từ lúc bước chân lên đường, các cụ đồng thanh, muôn người một miệng:

— Xin đánh!

Lời đáp vắn tắt, đanh thép đánh tan mối do dự của quần vương, khích lệ tướng sĩ, thôi thúc dân gian, vẫn còn vang vẳng bên tai mọi người và còn quyện trong núi rừng ngoài biên ải như một lời cảnh cáo quân thù... Từ khi các bô lão về, người tòng ngũ mỗi ngày một đông, các chiến sĩ ra công luyện tập, và các mõ gọi trai tráng ra đình, ngày đêm không ngớt tiếng rao.

Dân chúng Thăng-long vẫn còn nhớ như in cảnh tượng ngày lịch-sử ấy, các bô lão đã hay họ đạt dạo lên cửu trùng ý kiến quyết của bản dân thiên hạ. Họ ngày nay chỉ nghĩ làm sao giúp vua đánh kẻ thù, vì họ đều cảm thấy mang một trách nhiệm lớn trong cuộc chiến tranh mà họ muốn và đã gây ra

« Sát Thát » đã thành khẩu hiệu chung của tất cả đẳng cấp dưới trời Nam.

Sau hội nghị Diên-hồng, vua Thiệu Bảo bác thư Trần-nam-vương mượn đường, xuống chiếu tề tộ quân Nguyên, khuyên mọi

người trong nước đồng tâm phá giặc. Và đáp lại thái độ tự-vệ ấy của người Nam, một lệnh truyền của Hốt tất Liệt, Thoát Hoan kéo 50 vạn quân hùng, hổ tiến sang, chiếm Nam-Quan, xâm lấn Lạng-giang, trường-khu cướp ải Chi-Lăng, tràn xuống Bắc-Giang, uy hiếp Vạn-kiếp, thế mạnh như vũ bão. Nhưng tất cả chiến thắng cùng những độc ác của quân thù không lấm gã nổi tài trí của dân gian, trái lại, họ càng quây quần chung quanh vua, trong một mối đồng tâm sắt đá. Bắt đầu từ ngày khởi chiến, lấy tư cách là đại biểu của toàn quốc mang trách nhiệm lớn lao hơn cả mọi người, vua Thiệu Bảo sống một cuộc đời khắc khổ hơn một vị tu hành: ăn không dùng miếng ngon, mặc không dám đổi thứ ấm, bỏ hết những xa hoa phú quý, đêm đêm nằm nghỉ trên một chiếc giường thô kệch. Vậy mà vua vẫn thấy mình còn sung sướng hơn mấy vạn chiến sĩ ngoài biên. Vì vua biết còn được ở cung cấm, xa hàng nghìn dặm cỏ sa trường, thì cuộc đời dù cực khổ đến đâu cũng vẫn còn là đời thần tiên so với cảnh buồng cô chinh phu.

Vì thế mà cảm tình của dân chúng đối với vua càng mặt thiết. Và sáng hôm nay thấy vua vội vã ra đi, không trên bờ hà, dòng, đoàn ngay có sự gì quan trọng chi đây. Họ lũ lượt theo vua như làn sóng đổ lên bờ sông Cái.

Vua tới bờ sông, dừng lại, cảm động vì lòng quyến luyến của dân gian. Tiếng hô « Vạn tuế » vang lừng trên khúc sông, thốt từ trong tham tâm thành-khẩn. Vua dừng nhìn mọi người một lượt, gật đầu tươi cười, rồi giơ tay ra hiệu cho họ về. Nhưng họ vẫn đứng nhìn theo. Vua đã cùng Chiêu-thanh vương, tên hiệu tôi Trần Lai, lúc nào cũng theo hầu cận, xuống một chiếc thuyền nan, trên thuyền có hai người thủy-thủ. Các thuyền chung quanh cũng nhao nhao tiếng hô « Vạn tuế ».

(*Còn nữa*)

NGUYỄN HUY TƯỞNG

ĐẶC SAN VỀ MÙA THU

Tri-Tân dự định cho ra một số đặc san về mùa thu vào khoảng tháng tám ta.

Số đó sẽ có các mục chính như:

1 — Thơ vần mùa thu.

2 — Các việc lịch sử trong mùa thu

3 — Hát trống quân và nhiều mục khác

Chúng tôi xin báo trước để các văn hữu muốn cùng chúng tôi góp một trong số đó liệu gửi bài về sớm cho tiện việc xếp đặt.

Xin cầu đến số đặc san ấy viết rất công phu.

TÒA-SOẠN

MUON CON HIỀN, CHÁU THAO
TRONG NHÀ PHẢI CÓ SÁCH

TÂN HIẾU-KINH
(có nguyên-văn chữ Hán)
Giá : 1 $ 20

ĐÃ CÓ BÁN

Du-Thuyết yếu-thuật	3 $ 50
Lịch-sử Báo-Chí	2 $ 00
Nghệ-thuật và danh giáo	2 $ 50
Phụ-nữ Việt-Nam	2 $ 50
Khổng-Tử học-thuyết I	4 $ 50
Việt-Hoa thông-sử sử lược	0 $ 0

QUỐC-HỌC
THƯ-XÃ HANOI XUẤT-BẢN

Thư-xã Alexandre de Rhodes
Mới xuất bản hai cuốn

TRUYỆN RỪNG XANH
Phạm-xuân-Độ phỏng thuật
Theo cuốn « La livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có những truyện kỳ lạ và lý thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23.

LỤC SỨC TRANH CÔNG
bản dịch Pháp văn của Hoàng Hữu Xứng và A. de R.
Bình-phẩm cuốn này, Cố Cadière đã nói: « Sánh với Kim Vân Kiều và Chinh phụ ngâm, thì Lục sức tranh công còn tự nhiên, phổ thông và có vẻ hàn mạn nhiều hơn lắm » dày 150 trang khổ 17x23 có nhiều tranh ảnh.

Giá bình thường 1$00 và bức 0$60
bản giấy Đại La 12$00 và bức 1$00
Tổng phát hành
MAI-LĨNH
21, Rue des Papiers Hanoi

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC
SỬ LƯỢC
của **PHAN KHOANG**

Một bộ sách kê-cứu rõ-ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á Đông này.

Thật là một bộ sách rất quí của hết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại :

Loại thường bán 6$00 cước 0$47

Loại đặc-biệt 15$00 cước 0$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

25 Août có bán

Hai bà Trưng
khởi nghĩa

Tác giả : NGUYEN-TẾ-MỸ

— Những lực lượng nào đã giúp hai bà Trưng chiến thắng ? Và những nhân nào đã làm ra sự thất bại của hai bà ?

— Tính cách cuộc khởi nghĩa đó là tích cách gì ? ảnh hưởng của nó trong xã hội Việt Nam dưới quyền đô-hộ triều Hán ra sau ?

HÀN THUYÊN PHÁT HÀNH

71 Tien-Tsin Hanoi

do QUẢNG VẠN THÀNH phát hành

đã có bán :

LÒNG VÀNG

Ed de Amicis đại văn hào nước Ý soạn

Hải-Hạc dịch

Một quyển giáo-khoa đào luyện tinh thần ái quốc. Các giáo-sư, các phụ huynh và các học sinh đều nên đọc để rõ biết cách giáo-dục bằng tình cảm, và rèn luyện tâm tư trí-khí cho trẻ em.

Giá 4$00

Ở xa, xin gửi thêm 0p.60 cước bảo đảm.

đang in :

ĐỜI ĐOÀN THỂ

Hải-Tùng soạn

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Giá 2$00

Vị nào gửi tiền đặt mua trước ngày 15 Juillet 1944, xin trừ 25 % cước phí không phải chịu.

Vị nào muốn biết nội-dung sách, xin cho biết địa-chỉ.

Thư từ, tiền nong xin đề

ô. Nguyễn văn Minh

Hiệu Quảng vạn Thành — Hanoi, 16 phố Lê Lợi

Haiphong, 51 Dormer — Haidương Kinh môn phố Yên lưu

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường Phượng Tri-Tân 93— Haiduong, Hanoi